

Số: **31** /TB - BTCĐH

Hà Nội, ngày **8** tháng **6** năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP trân trọng thông báo:

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP

- Thời gian: 8h00, ngày 29 tháng 6 năm 2026
- Địa điểm: Hội trường tầng 8, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP, 183 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Hà Nội.

2. Đối tượng tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP tại thời điểm chốt danh sách ngày **01/6/2026** hoặc đại diện được ủy quyền.

- Trường hợp không thể trực tiếp tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho đại diện tham dự, việc ủy quyền phải làm bằng văn bản theo mẫu gửi kèm thông báo, có chữ ký xác nhận (đối với cổ đông là cá nhân) và được đóng dấu, ký xác nhận bởi người đại diện có thẩm quyền (đối với cổ đông là cơ quan, tổ chức).

3. Nội dung chương trình Đại hội

Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát; các Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ, Bầu HĐQT, BKS và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. Đăng ký tham dự Đại hội

Sau khi nhận được thông báo mời họp, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự (hoặc ủy quyền tham dự) tới:

- Phòng Thư ký HĐQT, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP
- Địa chỉ: 183 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Hà Nội.
- Điện thoại: 024 37667 462 Fax: 024 37667 464
- Đăng ký xác nhận tham dự ĐHĐCĐ xin gửi về địa chỉ nêu trên trước 12h00 ngày 25/6/2026. Trong trường hợp ủy quyền, xin vui lòng lưu ý điền đầy đủ thông tin ủy quyền theo mẫu đính kèm.

Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, đề nghị Quý cổ đông hoặc Người được ủy quyền đem theo Thông báo mời họp, các tài liệu được gửi kèm Thông báo mời họp này và giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc Giấy CNĐKKD để Ban tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông và phân phối tài liệu.

5. Tài liệu gửi kèm theo Thông báo

- Nội dung chương trình Đại hội;
- Phiếu xác nhận tham dự/ủy quyền Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
- Các tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Tổng công ty bao gồm: Báo cáo của HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát; các Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ; Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026 và các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua Nghị quyết;.... đề nghị Quý cổ đông tham khảo tại Website của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP theo địa chỉ: <http://vncc.vn/danh-muc-co-dong/dai-hoi-co-dong>.

Lưu ý: Các cổ đông chủ động liên hệ chỗ để xe vì sân của tòa nhà không đủ chỗ, rất mong sự thông cảm của Quý cổ đông vì sự bất tiện này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của VNCC;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- BKTNB; Các PCN;
- NPTQTCT;
- Lưu VT.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH HĐQT



Thân Hồng Linh



Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM -CTCP**

Cổ đông:.....

Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần sở hữu.....

(Bằng chữ:))

Căn cứ Thông báo mời họp của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP, tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty được tổ chức vào ngày 29/6/2026 như sau:

Nội dung	Chữ ký xác nhận của cổ đông
(1) Trực tiếp tham dự	(2)
(3) Ủy quyền cho người khác tham dự, chi tiết như sau: Người được ủy quyền:..... Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:..... Chữ ký của người được ủy quyền (ghi rõ họ tên):	(4)

- Ghi chú:
- Đề nghị Quý cổ đông điền đầy đủ thông tin:
- Nếu cổ đông trực tiếp tham dự, đề nghị ký xác nhận vào ô số (2);
- Nếu cổ đông ủy quyền cho Người khác tham dự Đại hội, đề nghị ký xác nhận (đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức) vào ô số (4); Người được ủy quyền điền đầy đủ thông tin và ký xác nhận vào ô số (3)
- Đề nghị quý cổ đông xác nhận việc tham gia/ủy quyền theo mẫu này và gửi về Phòng Thư ký HĐQT- ĐT: 0437667462, Fax: 0437667464) - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP, Tầng 4, toà nhà VNCC, 183 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng, Hà Nội trước 12h00 ngày 25/6/2026.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**GIẤY ỦY QUYỀN (THEO NHÓM)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM – CTCP**

Kính gửi: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP

Căn cứ Thông báo mời họp của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP, chúng tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty được tổ chức vào ngày 29/6/2026 như sau:

Chúng tôi những người có tên trong danh sách đính kèm Giấy ủy quyền này (sau đây gọi chung là **“Bên ủy quyền”**) cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD:.....

Cấp ngày:.....tại:.....

Địa chỉ:

(Sau đây gọi tắt là **“Bên được ủy quyền”**)

Thay mặt bên ủy quyền thực hiện các công việc sau với tư cách là đại diện cho số cổ phần ủy quyền nêu trên:

- Tham dự cuộc họp, phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại buổi họp;
- Tham gia bầu cử, biểu quyết các vấn đề được đưa ra trình Đại hội thông qua;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần được ủy quyền tại Đại hội;
- Ký kết các giấy tờ cần thiết.

Bên ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội quy Quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

Thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP. Bên ủy quyền cam kết chấp thuận mọi hành vi của Bên được ủy quyền trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền được thành lập 02 (hai) bản, mỗi bên giữ (01) một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(*ký, ghi rõ họ tên*)

ĐẠI DIỆN NGƯỜI ỦY QUYỀN
(*ký tên trong danh sách kèm theo*)

DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN THEO NHÓM
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
Tổng số cổ phần sở hữu					



THÔNG BÁO

**Về việc Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP**

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 03/2022/QH15 và luật 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP, quy định hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhiệm kỳ 2021-2026;

Để đảm bảo tính khách quan, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về cơ cấu tổ chức HĐQT, BKS của công ty cổ phần, đồng thời tăng cường năng lực quản trị và kiểm soát của Tổng công ty trong nhiệm kỳ mới, Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP (VNCC) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tham gia ứng cử, đề cử nhân sự để bầu vào HĐQT, BKS tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

I. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng dự kiến: Bầu 05 thành viên HĐQT

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT:

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị tại tối đa 5 công ty khác;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT:

3.1 Đề cử Thành viên HĐQT:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3.2 Ứng cử Thành viên HĐQT:

Người ứng cử thành viên HĐQT phải thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy định hiện hành của pháp luật.

4. Hướng dẫn hồ sơ đề cử, ứng cử:

4.1. Thời gian gửi hồ sơ đề cử, ứng cử:

Thời điểm chốt Danh sách các hồ sơ đề cử, ứng cử làm Thành viên HĐQT Tổng công ty, mà Tổng công ty nhận được, chậm nhất trước 17 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2026 trực tiếp hoặc (tính theo dấu bưu điện); Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi hai (02) bộ hồ sơ theo địa chỉ nêu sau đây.

Phòng Thư ký HĐQT - Tổng công ty VNCC

Địa chỉ: Số 183 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, Hà Nội

Điện thoại: 024 37667462

Ngoài phong bì hồ sơ cần ghi rõ "Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên HĐQT".

4.2. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

- Phiếu đề cử/ứng cử ứng viên (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của ứng viên;
- Văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT (nếu cổ đông thành lập nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử).

II. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng dự kiến: Bầu 03 thành viên BKS

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên BKS:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;
- Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty;

3. Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên BKS:

3.1 Đề cử Thành viên BKS:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (06) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (07) ứng viên;

3.2 Ứng cử Thành viên BKS:

Người ứng cử thành viên BKS phải thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy định hiện hành của pháp luật.

4. Hướng dẫn hồ sơ đề cử, ứng cử:

4.1. Thời gian gửi hồ sơ đề cử, ứng cử:

Thời điểm chốt Danh sách các hồ sơ đề cử, ứng cử làm Thành viên BKS Tổng công ty, Tổng công ty nhận được, chậm nhất trước 17 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2026 trực tiếp hoặc (tính theo dấu bưu điện); Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi hai (02) bộ hồ sơ theo địa chỉ nêu sau đây.

Phòng Thư ký HĐQT - Tổng công ty VNCC

Địa chỉ: Số 183 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, Hà Nội

Điện thoại: 024 37667462

Ngoài phong bì hồ sơ cần ghi rõ "Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên BKS".

4.2. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

- Phiếu đề cử/ứng cử ứng viên (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của ứng viên;

- Văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông đề cử thành viên BKS (nếu cổ đông thành lập nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử).

(Lưu ý: Người được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử, tự ứng cử của mình).

Chỉ những hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào Danh sách ứng viên chính thức trình Đại hội đồng Cổ đông để tiến hành, thực hiện bầu cử. Sau thời hạn nêu tại Mục 4.1 trên, Cổ đông không đề cử đủ số lượng hoặc ứng viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy định hiện hành thì Hội đồng quản trị Tổng công ty đương nhiệm theo thẩm quyền sẽ đề cử ứng viên theo Điều lệ Tổng công ty

Nơi nhận:

- Các cổ đông của VNCC;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- BKTNB; Các PCN;
- NPTQTCT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Thân Hồng Linh

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Ngày 29/6/2026

DỰ THẢO

TT	Thời gian	Nội dung
01	8h00 - 8h30	Đón tiếp đại biểu và đăng ký cổ đông
02	8h30 - 8h40	Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ
03	8h40 - 8h50	Báo cáo xác nhận cổ đông và số lượng cổ đông dự họp
04	8h50 - 8h55	Giới thiệu chủ tọa và Ban thư ký
05	8h55 – 9h00	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ
06	9h00 – 9h10	Thông qua Quy chế họp ĐHĐCĐ
07	9h10 – 9h15	Thông qua Ban bầu cử, kiểm phiếu
08	9h15 – 9h25	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026 – 2031;
09	9h25 – 9h35	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026;
10	9h35 – 9h45	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 nhiệm kỳ 2021 – 2026
11	9h45 – 9h55	Thông qua Quy chế bầu cử
12	9h55 – 10h30	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031
13	10h30 – 10h35	Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025
14	10h35 – 10h40	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 kế hoạch năm 2026
15	10h40 – 10h45	Tờ trình tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 & kế hoạch 2026
16	10h45 – 10h50	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026
17	10h50 – 10h55	Tờ trình Dự thảo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; BKS; sửa đổi bổ sung đăng ký kinh doanh
18	10h55 – 11h15	Đại hội thảo luận
19	11h15 – 11h30	Biểu quyết thông qua các nội dung HĐQT trình tại Đại hội
20	11h30 – 11h45	Thông qua kết quả Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031
21	11h45 – 12h00	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội
22	12h05	Bế mạc

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây được gọi tắt là Đại hội) của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và những người khác được tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và những người khác được tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ NHỮNG NGƯỜI KHÁC THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là cổ đông có quyền dự họp) hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ, có đủ giấy tờ chứng minh tư cách dự họp theo yêu cầu và đã đăng ký dự họp hợp lệ trước khi khai mạc Đại hội (sau đây gọi chung là người đủ điều kiện tham dự)

Điều 5. Ủy quyền tham dự Đại hội

1. Cổ đông là cá nhân: Chỉ được ủy quyền thay mặt dự họp cho 01 (một) cá nhân khác.

2. Cổ đông là tổ chức: Ủy quyền cho trên 01 (một) đại diện thì phải xác định rõ số cổ phần của mỗi đại diện

3. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng, cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và có chữ ký xác nhận đối với cổ đông là cá nhân, hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật, con dấu (nếu có) đối với cổ đông là tổ chức, cơ quan và chữ ký của người được ủy quyền dự họp. Nếu người được ủy quyền là pháp nhân thì phải đại diện theo

pháp luật của pháp nhân đó hoặc là người được đại diện theo pháp luật giới thiệu, ủy quyền bằng văn bản.

4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội

5. Văn bản ủy quyền phải được người đủ điều kiện tham dự xuất trình khi đăng ký dự họp trước khi tiến hành Đại hội.

Điều 6. Quyền của cổ đông và các bên khi tham dự Đại hội

1. Tham dự Đại hội, phát biểu, thảo luận và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội có trong Chương trình của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai Chương trình Đại hội, được thảo luận, trả lời tại Đại hội về những ý kiến phát biểu, yêu cầu của mình đưa ra trước Đại hội.

3. Khi tiến hành đăng ký dự họp, được nhận Thẻ biểu quyết, đã có mã số, tên của Cổ đông có quyền dự họp, tên đại diện được ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Người đủ điều kiện tham dự

Số phiếu biểu quyết của Thẻ biểu quyết bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà Người đủ điều kiện tham dự sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện, căn cứ theo đăng ký tham dự Đại hội

Nếu đến dự sau Đại hội đã khai mạc, Người đủ điều kiện tham dự có quyền đăng ký và ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không thay đổi.

4. Hình thức biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội: bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết

Điều 7. Nghĩa vụ của cổ đông và các bên khi tham dự Đại hội

1. Khi muốn phát biểu, thảo luận tại Đại hội, cổ đông/người đại diện của cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Đại hội. Nội dung phát biểu ngắn gọn (tối đa không quá 5 phút), súc tích, tránh trùng lặp, tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua. Cổ đông tham dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký.

2. Không quay phim, chụp ảnh, ghi âm, nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa trong thời gian Đại hội diễn ra, ngoại trừ việc quay phim, chụp ảnh của Ban tổ chức nhằm phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội.

3. Không truyền tin ra ngoài dưới mọi hình thức cho đến khi kết thúc Đại hội trừ trường hợp được sự cho phép của Chủ tọa Đại hội.

4. Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong

phòng họp Đại hội, tất cả điện thoại phải để chế độ im lặng, không được nói chuyện điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội.

5. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội, tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch và Ban Tổ chức Đại hội, không có hành động cản trở, gây rối hoặc gây mất trật tự và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội

1. Ban Tổ chức Đại hội bao gồm Hội đồng quản trị, đại diện Ban kiểm soát, đại diện Ban giám đốc, đại diện phòng ban chức năng của Tổng công ty và các cán bộ giúp việc. Trưởng ban tổ chức là người điều phối công việc chung.

2. Ban Tổ chức Đại hội chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các công việc xuyên suốt từ khâu chuẩn bị tới khi Đại hội kết thúc để đảm bảo Đại hội diễn ra thành công. Cụ thể: Tiến hành các cuộc họp cần thiết để lên danh sách và phân công cụ thể từng cá nhân cho từng công việc.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Đoàn chủ tịch

Ban tổ chức Đại hội giới thiệu đoàn chủ tịch gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa Đại hội hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

Chủ tọa Đại hội điều hành cuộc họp, hướng dẫn khách mời, đại biểu và Đại hội thảo luận

Chủ tọa trả lời hoặc yêu cầu thành viên Đoàn chủ tịch, ban lãnh đạo công ty, các nhân sự khác trong công ty và đơn vị tư vấn của công ty trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp Đại hội; giải quyết tất cả các vấn đề phát sinh trong suốt cuộc họp Đại hội.

Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào, Chủ tọa Đại hội cũng có thể tạm thời dừng Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp; người dự họp có hành vi cản trở gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng hợp pháp; Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho tất cả các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất

Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội và các bộ phận hỗ trợ khác

1. Ban Thư ký do Chủ tọa Đại hội cử thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch. Ban Thư ký có nhiệm vụ :

Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/người đại diện của các cổ đông thông qua

Soạn Dự thảo biên bản, Dự thảo Nghị quyết Đại hội

Tiếp nhận và chuyển đến Đoàn chủ tịch các phiếu câu hỏi/phiếu đăng ký phát biểu ý kiến/phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và người đại diện của cổ đông tại Đại hội

Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa

2. Các bộ phận hỗ trợ: Việc tham gia của các bộ phận hỗ trợ do Ban tổ chức phân công trong trường hợp cần thiết

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Ban tổ chức đại hội lựa chọn, có trách nhiệm như sau:

Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật, Quy chế và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có)

Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Trả lời chất vấn hoặc phát hiện các vấn đề cần xem xét về tư cách cổ đông.

Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc dự họp của người đó. Từ chối cấp Thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có).

Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Ban tổ chức đại hội đề cử và được biểu quyết thông qua trước Đại hội.

Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết; kiểm đếm Thẻ biểu quyết khi Đại hội biểu quyết; lập biên bản kiểm phiếu; kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay sau khi biểu quyết hoặc trước khi bế mạc cuộc họp.

Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện mọi công việc liên quan đến kiểm đếm thẻ biểu quyết, phiếu bầu và lập biên bản kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 13. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 14. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
2. Đại hội sẽ thông qua chương trình họp, lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 15. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội và cách thức bầu cử

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết.
2. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Đoàn chủ tịch với hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Điều 16. Điều kiện để Nghị quyết thông qua

Nghị quyết được thông qua cho mỗi nội dung tương ứng điều kiện tỷ lệ (%) phần trăm của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành được quy định tại Điều 28, Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 17. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký ghi chép thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được lưu giữ theo quy định.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực quy chế

1. Quy chế này gồm 4 chương, 18 điều có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026 - 2031

Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP báo cáo Quý cổ đông kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

I. Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2021 - 2026

Với mục tiêu xây dựng, phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn giữ vững thương hiệu là đơn vị đứng đầu trong ngành tư vấn thiết kế xây dựng, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, chủ động nắm bắt tình hình, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua để triển khai quyết liệt và linh hoạt trong công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện tái cơ cấu các mặt hoạt động của Tổng công ty nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh đáp ứng thực tế yêu cầu của khách hàng và thị trường đảm bảo tăng trưởng bền vững. Hội đồng quản trị cũng đã hoạch định, xây dựng các định hướng chiến lược và chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện các nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh và phát triển thị trường hoàn thành các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Nhiệm kỳ vừa qua với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua, thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	Bình quân
Tổng DT	217.154	266.032	257.429	319.914	432.094	298.525
Lợi nhuận ST	19.011	17.906	27.232	37.189	37.712	27.810
Cổ tức (%)	3,6	3,75	6	8	8	5,87
Nộp NS	19.553	16.372	17.109	23.654	33.394	22.016

Trong 5 năm 2021-2025 doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng xấp xỉ gần 100%.

Bên cạnh đó Tổng công ty luôn bảo toàn và phát triển vốn thông qua các chỉ tiêu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025	Bình quân
Vốn CSH	382.024	380.918	390.244	400.201	402.325	391.142
Tăng trưởng (lần)	0,99	0,99	1,02	1,03	1,03	1,01
Vốn điều lệ	357.744	357.744	357.744	357.744	357.744	357.744
ROE	4.95%	4.69%	7,06%	9,41%	9,40%	7,10%
ROA	3,53%	3,25%	4,61%	6,21%	5,91%	4,72%
ROS	9,54%	7,25%	11,64%	12,51%	9,27%	10,04%
NS lao động (trđ/năm)	487	600	559	690	1.014	670
Hệ số bảo toàn vốn	1	1	1	1	1,004	1

Các chỉ tiêu khả năng sinh lời như hệ số ROE, ROA đều tăng trưởng cao trong 5 năm 2021-2025, năm 2025 so với năm 2021 hệ số ROE tăng 90%, hệ số ROA tăng 67%, năng suất lao động tăng 108%, riêng hệ số ROS tăng và ổn định qua các năm. Đây là kết quả vượt bậc của TCT trong giai đoạn khó khăn như Covid19, thị trường bất động sản trầm lắng, Tổng công ty vẫn hoạt động ổn định, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 -2026

Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm phê duyệt, Hội đồng quản trị đã họp và ban hành 87 Nghị quyết với nội dung trọng tâm gồm:

- *Về công tác hoạch định, định hướng tái cơ cấu doanh nghiệp:*

Hội đồng quản trị đã thành lập Ban chiến lược xây dựng Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2023 – 2027 và định hướng đến 2030. Ban chiến lược đã triển khai đồng bộ thống nhất từ Công ty Mẹ đến các công ty thành viên. Đề án được ĐHĐCĐ phê duyệt tại quyết định số 11/HĐQT-VNCC ngày 08/03/2024 và Hội đồng quản trị đã giao Ban giám đốc xây dựng chương trình hành động triển khai chi tiết để thực hiện mục tiêu tăng trưởng của Đề án. Hội đồng quản trị đã

luôn đồng hành cùng Ban giám đốc và Người đại diện phần vốn tại các công ty thành viên trong quá trình triển khai, vừa giám sát, thúc đẩy, kiểm tra và tháo gỡ. Đến nay các mục tiêu của đề án đề ra đã có những kết quả tốt, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh trong sản xuất kinh doanh về doanh thu và lợi nhuận, với mức tăng trưởng xấp xỉ 100% từ đầu nhiệm kỳ đến nay. Tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 19% (so với đề án 6-8%), tổng doanh thu đạt 1.492 tỷ đồng tăng 14% (so với đề án 1.300 tỷ đồng). Tăng trưởng lợi nhuận 20% (so với đề án là 5-6%), tổng lợi nhuận trước thuế đạt 159 tỷ đồng tăng 37% (so với đề án là 116 tỷ), các chỉ số tài chính ROE, ROA, ROS đều được cải thiện theo chiều hướng tăng. Tốc độ tăng chi phí đều thấp hơn mức tăng doanh thu. Cổ tức các năm 2024-2026 đều đạt 8% (so với đề án là 6-10%). Về xây dựng vị thế thương hiệu uy tín được nâng cao, Tổng công ty đã đạt 06 giải thưởng Quốc gia (so với đề án là 05), bao gồm 01 Giải bạc về quy hoạch; 04 giải ba về công trình; 01 giải khuyến khích về quy hoạch. Bên cạnh đó, công tác quản trị doanh nghiệp cũng được triển khai như xây dựng hệ thống chia sẻ thông tin phát triển thị trường Vc Group; Xây dựng và sửa đổi các quy chế quản trị; thành lập mới 03 đơn vị (Ban kiểm toán nội bộ, Văn phòng quy hoạch hạ tầng 2 và Văn phòng dự án 2) góp phần tăng cường quản trị rủi ro đồng thời với mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng tối đa cơ hội thị trường, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực tư vấn của Tổng công ty; Tổng công ty cũng đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và đang tập trung triển khai. Công tác tái cơ cấu tại các công ty thành viên, Hội đồng quản trị chỉ đạo triển khai và cũng đã thông qua tái cơ cấu tăng vốn tại CIC nhằm củng cố năng lực tài chính và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; Thông qua chủ trương đầu tư trụ sở làm việc của Công ty CIC và chủ trương triển khai đầu tư mua sản thương mại làm trụ sở làm việc kết hợp thuê mở rộng văn phòng của Công ty CDC. Thực hiện tái cơ cấu thoái vốn tại CCBM đã xong phần định giá, tuy nhiên việc thoái vốn đang tạm dừng do chủ trương của Chủ sở hữu (cổ đông lớn SCIC) rà soát lại Đề án tái cơ cấu.

Đề án tái cơ cấu được xây dựng và thông qua từ giữa nhiệm kỳ, đến thời điểm này nhiều mục tiêu và chỉ tiêu về tài chính đã đạt và vượt. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc tiếp tục thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ của đề án đến 2027 như về chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng thiết kế, dịch vụ, mở rộng thị trường và chú trọng phát triển quản trị hiện đại nhằm tăng cường sức cạnh tranh, xây dựng văn hóa sáng tạo, đạo đức kinh doanh hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Bên cạnh, đó tiếp tục thoái vốn, tái cơ cấu lại các đơn vị công ty thành viên không hiệu quả, mở rộng quy mô, hệ sinh thái cũng như tăng cường trích quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp nhằm đảm bảo đủ nguồn lực đầu tư thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án.

- *Về công tác xây dựng và phát triển cán bộ:*

Để phát triển năng lực lãnh đạo và nâng cao chất lượng trong hệ thống quản lý, Tổng công ty đã rà soát bổ nhiệm mới 03 Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm 01 Trưởng Ban kiểm toán nội bộ; 02 Kiểm toán viên và 01 Người phụ

trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty; Đánh giá và bổ nhiệm lại các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo nhiệm kỳ. Đồng thời cử mới (cử lại) 24 Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp có vốn góp đầu tư để tăng cường công tác quản trị, quản lý và phát triển, bảo toàn vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

- *Về công tác tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Hội đồng quản trị ban hành kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ tổ chức, triển khai kiểm toán theo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt về việc thực hiện các quy chế, quy định của Tổng công ty trong quá trình hoạt động; đánh giá về tài chính nội bộ, tài chính tại các công ty có vốn góp của VNCC nhằm bảo toàn, phát triển và quản lý rủi ro vốn của Tổng công ty.

HĐQT đã thực hiện quản trị Tổng công ty theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các Quy chế, quy định khác đảm bảo lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành sản xuất xong vẫn đảm bảo sự quản lý, chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị.

Các Thành viên Hội đồng quản trị luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin kịp thời về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách, Hội đồng quản trị đã cử thành viên HĐQT tham gia khóa học chứng nhận Thành viên HĐQT nhằm nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp

- *Về công tác sản xuất kinh doanh*

Hàng năm Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt đồng thời ban hành kế hoạch giám sát tài chính hàng năm đối với các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty trên cơ sở đó đánh giá Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp;

- *Về công tác tài chính*

Tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty phát triển ổn định và tài chính lành mạnh, không có nợ, vay tín dụng, bảo toàn và phát triển vốn, tích cực thu hồi cổ tức của các công ty thành viên, tích cực thu hồi công nợ, hàng năm HĐQT thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm cho Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về công tác xây dựng hệ thống quản trị*

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, hướng dẫn xây dựng quy chế thông qua Nghị quyết và nêu rõ thẩm quyền ban hành quy chế, phân công cụ thể các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ xem xét dự thảo quy chế nhằm đảm bảo hoạt động được minh bạch, đồng thời Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết về nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị vốn tại Tổng công ty.

- *Công tác Công bố thông tin*

Tổng công ty thực hiện đúng quy định về công tác công bố thông tin đối với công ty Đại chúng quy mô lớn, thực hiện Báo cáo Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo định kỳ, các thông tin công bố luôn chính xác và kịp thời đến với cổ đông, thực hiện quy định của HNX Tổng công ty đã đảm bảo về việc CBTT song ngữ từ năm 2025 đối với tất cả các tài liệu.

- *Về công tác khác*

HĐQT luôn phối hợp Ban kiểm soát làm việc đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban kiểm soát, mời họp và gửi các tài liệu cuộc họp HĐQT đến Ban kiểm soát theo đúng quy định như đối với thành viên HĐQT, mời Kiểm soát viên có ý kiến khi tham dự cuộc họp của HĐQT.

Tổ chức thành công công tác kỉ niệm 70 năm ngày thành lập Tổng công ty và 20 năm kỷ niệm Vc group, nhằm truyền tải những thông điệp, văn hóa cho thế hệ trẻ gìn giữ và xây dựng doanh nghiệp ngày một phát triển mạnh mẽ hơn đồng thời tri ân những lãnh đạo qua các thời kỳ.

Thực hiện kiện toàn sắp xếp, chuyển giao tổ chức đảng. Đảng bộ Tổng công ty bao gồm 06 tổ chức đảng và đảng viên từ các công ty VCC, CONINCO, CDC, INCOSAF, CCBM, CIC được chuyển về từ Đảng bộ Bộ Xây dựng. Sau khi nhận chuyển giao Đảng bộ Tổng công ty là đảng bộ cơ sở có 475 đảng viên và trực thuộc Đảng bộ khối doanh nghiệp Hà Nội (VIWASE, USCO, NAGECO không thuộc Đảng bộ Tổng công ty). Tổ chức đoàn Thanh niên cũng được đồng bộ chuyển giao cùng cấp về Hà nội. Tổ chức công đoàn Tổng công ty chuyển về sinh hoạt tại Công đoàn Ngành Xây dựng.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở tiền lương, thù lao của HĐQT đã được ĐHCĐ hàng năm thông qua, HĐQT đã tiến hành chi trả tiền lương, thù lao cho từng thành viên HĐQT theo đúng quy định.

Các chi phí khác cho các thành viên HĐQT, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, chi trả theo phát sinh thực tế và theo đúng chế độ quy định.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2021 – 2026

- *Về điều hành sản xuất kinh doanh*

Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực, quyết liệt trong công tác điều hành về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bám sát các mục tiêu, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- *Về công tác giám sát*

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết, quyết định, công văn, thông báo kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc trong quản trị doanh nghiệp, điều hành công việc sản xuất theo Điều lệ của Tổng công ty và quy chế quản trị nội bộ.

Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Trưởng Ban kiểm soát được mời họp giao ban hàng quý, đột xuất cùng trao đổi mọi vấn đề của Tổng công ty, các ý

kiến của Trưởng Ban kiểm soát được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở để đưa ra các quyết định chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Đối với công tác rà soát, điều chỉnh quy chế nội bộ của Tổng công ty còn chậm, chưa kịp thời, đồng bộ đảm bảo việc vận hành Tổng công ty hiệu quả và trơn chu theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị; Công tác xây dựng kế hoạch tài chính, tiền lương chưa đạt yêu cầu và tiến độ của Hội đồng quản trị; Công tác xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động năm, xây dựng chương trình hành động triển khai đề án tái cơ cấu, phân công lãnh đạo phụ trách, cũng như triển khai các Nghị quyết Hội đồng quản trị của Ban giám đốc chưa được kịp thời, đầy đủ và tổng thể.

Đối với công tác Báo cáo định kỳ và đột xuất theo thông báo của Hội đồng quản trị đã có tiến bộ nhưng chưa đầy đủ theo yêu cầu, đúng tiến độ, Ban Tổng giám đốc cần phân công cụ thể trách nhiệm của các cá nhân để đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã yêu cầu Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp báo cáo định kỳ và đột xuất về kết quả sản xuất kinh doanh và những khó khăn vướng mắc tại đơn vị có vốn góp của Tổng công ty để đưa ra chỉ đạo kịp thời.

- *Về công tác phối hợp*

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp trong các hoạt động của Tổng công ty, hàng quý, đột xuất họp và trao đổi, kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

Tổng giám đốc chủ động báo cáo công việc, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và tồn tại trong việc điều hành và các lĩnh vực khác để cùng Hội đồng quản trị thảo luận và đưa ra các giải pháp cần thiết.

II. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031:

1. Mục tiêu giai đoạn 2026-2031:

Tiếp tục bám sát theo mục tiêu, định hướng đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023 – 2027, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu nhằm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường sức cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường trong nước và có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế, thể hiện vai trò dẫn dắt trong tổ hợp Vc group và tiên phong trong ngành xây dựng; đồng thời linh hoạt điều chỉnh phù hợp với chỉ đạo từ Chính phủ, SCIC và bối cảnh thị trường thực tế từng năm kế hoạch và thực hiện:

- 1.1. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của Tổng công ty thông qua đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ. Tạo giá trị gia tăng cho khách hàng.
- 1.2. Xây dựng văn hóa sáng tạo trong VNCC, tôn vinh con người VNCC; Chú trọng đạo đức kinh doanh, tính cam kết, nâng cao uy tín của thương hiệu VNCC trong cung cấp dịch vụ, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; quy chế quản lý theo nguyên tắc quản trị hiện đại, quản lý tinh gọn. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành nhằm tạo động lực phát triển mới.

1.3. Phát huy tối đa vai trò dẫn dắt của Công ty mẹ trong Tổ hợp VC group, với sứ mệnh tiên phong trong lĩnh vực tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng Việt Nam. Cơ cấu lại, củng cố, phát triển, M&A tăng quy mô, mở rộng xây dựng hệ sinh thái công ty thành viên tạo ra vị thế mới, lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

1.4. Đến hết năm 2031 phấn đấu đạt một số chỉ tiêu cụ thể sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 – năm đầu kỳ của kế hoạch 5 năm cụ thể như sau:

Doanh thu: 475.5 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 41.5 tỷ đồng

Cổ tức: tối thiểu đạt 8%

Lấy kế hoạch năm 2026 làm mốc tăng trưởng đầu kỳ cho các năm tiếp theo, dự kiến tốc độ tăng trưởng trung bình từ 8-10% Kế hoạch tăng trưởng 5 năm tiếp theo cụ thể như sau;

Tăng trưởng doanh thu: Bình quân 10%/năm

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế: Bình quân 8 %/năm

Tỷ lệ cổ tức: 8-10%/năm

2. Phương hướng và Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành nhiệm kỳ 2026 -2031:

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu và điều chỉnh kịp thời để xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm và bám sát mục tiêu sát với thực tế của doanh nghiệp.

Tiếp tục kiện toàn công tác nhân sự tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty đồng thời phối hợp cùng phát triển trong lĩnh vực tư vấn có cơ chế để tránh trùng lặp và tạo điều kiện phát huy thế mạnh từng công ty trong các ngành nghề chuyên sâu.

Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch đặt ra. Thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi lãng phí, xung đột lợi ích và vi phạm quy chế, điều lệ.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế khoán, cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Thay thế, miễn nhiệm những cán bộ thiếu trách nhiệm, yếu kém dễ xảy ra thất thoát, lãng phí gây ảnh hưởng, trì trệ kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Đề xuất với chủ sở hữu có cơ chế để doanh nghiệp được chủ động hình thành quỹ cổ phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân cán bộ có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng đến quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước.

Trích quỹ đầu tư phát triển và tăng tỷ lệ giữ lại lợi nhuận sau thuế cho doanh nghiệp để thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ Đề án tái cơ cấu cũng như

đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực. Đặc biệt cho công tác chuyển đổi số và mua bản quyền phần mềm.

Nhiệm kỳ 2021 – 2026 Tổng công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo lợi ích của các cổ đông. Với sự đồng thuận, nhất trí cao của Đại hội đồng cổ đông, sự điều hành quyết liệt có trọng điểm, bám sát các mục tiêu đặt ra của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đồng thời có sự nỗ lực, quyết tâm của tập thể cán bộ CNV Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhiệm kỳ 2026-2031 của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thân Hồng Linh

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2021 - 2026;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và giai đoạn 2021 – 2026, định hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát với các nội dung chính như sau :

A- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát tổ chức 05 phiên họp để thực hiện các công việc như xem xét công tác lập báo cáo tài chính, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tài chính các quý 2025, báo cáo 6 tháng và năm; xem xét các nội dung của kế hoạch giám sát tài chính năm 2025 tại Tổng công ty và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VNCC; phối hợp với Tài chính kế toán kiểm tra công tác kế toán tại các đơn vị trực thuộc, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, đánh giá tình hình tài chính của Tổng công ty.

Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, có ý kiến với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhằm góp phần tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính của Tổng công ty.

Các Kiểm soát viên tham gia đầy đủ các phiên họp Ban kiểm soát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Bang giám đốc khi được mời. Tham gia ý kiến

theo chức năng nhiệm vụ của mình, thường xuyên trao đổi, bàn bạc trực tiếp giữa các thành viên và các phòng ban có liên quan và đưa ra các ý kiến phù hợp. Các kiểm soát viên đều làm việc với tinh thần trách nhiệm, tuân thủ đúng Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

II. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên năm 2025:

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của BKS, Tiền lương của BKS và từng Kiểm soát viên năm 2025 thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ đã phê duyệt.

III. Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông :

- Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Ghi chú
1. Doanh thu	Tỷ đồng	319,91	319,2	432,09	Tăng 35,3% so với KH
2. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	37,19	32,33	37,71	Tăng 16,6% so với KH
3. Tỷ lệ cổ tức	% VDL	8,0%	8,0%	8,0%	

Năm 2025 tình hình kinh tế nước ta có nhiều khởi sắc, nhiều dự án trọng điểm của nhà nước, các dự án đầu tư công đã được tháo gỡ nên có tác động tốt đối với kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Ngay từ đầu năm ban lãnh đạo Tổng công ty đã cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch và duy trì các buổi làm việc trao đổi với các đơn vị sản xuất, kịp thời nắm bắt các chính sách của nhà nước và động viên người lao động nỗ lực khắc phục khó khăn, khai thác tốt các lợi thế của Tổng công ty, đẩy mạnh khai thác các thị trường truyền thống và tăng cường các hoạt động thi tuyển, đấu thầu, nhất là các dự án trọng điểm, dự án đầu tư công đã được bố trí vốn ... qua đó đã đạt kết quả thực hiện vượt mức kế hoạch được Đại hội cổ đông 2025 giao.

- Phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức:

Tổng công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông với tỷ lệ 8% mệnh giá theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Tổng công ty

Tổng công ty đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty.

- Về chi trả thù lao cho HĐQT và BKS:

Việc trích và chi trả thù lao cho HĐQT và BKS phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Thực hiện việc công bố thông tin

Tổng công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

IV. Thẩm định báo cáo tài chính

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt nam – CTCP. Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Về cơ sở ý kiến ngoại trừ: Tổng công ty chưa hoàn thành xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bất động sản đầu tư 494m² sàn tầng 4 tòa nhà VG Buiding, số 235 Nguyễn Trãi – phường Khương Đình – TP Hà Nội nhận bàn giao từ CTCP Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng – CCBM.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

Đơn vị : Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả SXKD năm 2025	
		Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu và thu nhập	432,09	1.121,93
2	Lợi nhuận trước thuế	43,46	70,51
3	Lợi nhuận sau thuế	37,71	57,49

Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ đạt 432,09 tỷ đồng (đạt 135,3% so với kế hoạch và tăng 35,07% so với 2024), trong đó: Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 406,84 tỷ (tăng 36,8% so với 2024), doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 22,96 tỷ (tăng 3,9% so với 2024), thu nhập khác 2,29 tỷ.

Lợi nhuận của Công ty mẹ đạt 43,46 tỷ trước thuế và lợi nhuận sau thuế là 37,71 tỷ đồng tương ứng 116,6% kế hoạch và tăng 1,4% so với 2024.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Tổng công ty là 1.121,93 tỷ đồng (tăng hơn 2024 là 47,3%), trong đó: Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.096,68 tỷ, doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 22,38 tỷ, thu nhập khác 2,87 tỷ. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 70,51 tỷ (cao hơn 2024 là 4,56%) và Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 57,49 tỷ đồng (cao hơn 2024 là 3,1%).

- *Một số chỉ tiêu tài chính năm 2025*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	BCTC Công ty mẹ	BCTC Hợp nhất
1	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0.40	0.64
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.66	1.77
2	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.60	1.30
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.33	1.00
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4.40	3.62
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.68	0.90
4	Khả năng sinh lời			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	10.34%	15.05%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân	%	5.95%	4.63%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	8.73%	5.12%
5	Mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp		1	1

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty mẹ là 1,6 lần, hợp nhất 1,3 lần; Khả năng thanh toán nhanh của Công ty mẹ 1,33 lần và hợp nhất 1,0 lần phản ánh Tổng công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và độ an toàn tài chính rất tốt. Ngoài ra khoảng 60,5% nợ ngắn hạn của Công ty mẹ và hợp nhất 50,9% nợ ngắn hạn là các khoản ứng trước của khách hàng và sẽ được trả nợ bằng các sản phẩm từ hoạt động sản xuất.

- Đối với chỉ tiêu đánh giá năng lực quản trị hàng tồn kho: vòng quay hàng tồn kho của Công ty mẹ 4,4 lần (năm 2024 là 2,98 lần) và hợp nhất 3,62 lần (năm 2024 là 2,44 lần).

- Đối với chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động: vòng quay tổng tài sản của Công ty mẹ 0,68 lần (năm 2024 là 0,53 lần) và hợp nhất 0,9 lần (năm 2024 là 0,67 lần).

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: khả năng sinh lời của Vốn chủ sở hữu năm 2025 có sự tăng trưởng rất tốt so với năm 2024, cụ thể là: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty mẹ là 10,34% (năm 2024 là 10,24%); Hợp nhất là 15,05% (năm 2024 là 14,67%). Tuy nhiên để tăng khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu hơn nữa, Tổng công ty cần tìm các biện pháp để tăng khả năng sinh lời của tài sản bằng các giải pháp cần thiết đẩy nhanh vòng quay của tài sản mà đặc biệt là giảm hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) và giảm nợ phải thu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra Tổng công ty cần sớm phê duyệt điều chỉnh quy chế giao khoán nội bộ nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị sớm áp dụng và ổn định sản xuất, tăng hiệu quả cho Tổng công ty, góp phần giữ được các lao động giỏi và thu hút lao động chất lượng cao; rà soát quy trình sản xuất nhằm tinh gọn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Tiếp tục thực hiện các mục tiêu tiếp theo được nêu tại Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023-2027, tầm nhìn 2030 nhằm tăng mạnh doanh thu lợi nhuận cho Tổng công ty.

- Bảo toàn phát triển vốn (vốn đầu tư của CSH + quỹ ĐTPT): Tổng công ty bảo toàn và phát triển tốt vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

- Tổng số tiền đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2025 của Tổng công ty là 156,742 tỷ đồng; cổ tức, lợi nhuận được chia năm 2025 là 14,741 tỷ (năm 2024 là 13,379 tỷ). Tỷ suất lợi nhuận bình quân trên vốn đầu tư tài chính dài hạn năm 2025 là: 9,4% (năm 2024 đạt 8,62%).

V. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách cẩn trọng, hợp lý, vì lợi ích hợp pháp của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Kết quả giám sát Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 13 phiên họp và kết hợp lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng các hình thức khác, đã ban hành 15 Nghị quyết, 13 quyết định liên quan đến các mặt hoạt động quản trị doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, nội dung gắn với tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023-2027 tầm nhìn đến 2030, Hội đồng quản trị đã ra quyết định thành lập Văn phòng Dự án số 2 và Văn phòng QHHT số 2. Đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao sản lượng tìm kiếm công việc và doanh thu của Tổng công ty.

Ngoài ra Hội đồng quản trị cũng ban hành nghị quyết chỉ đạo Ban điều hành và các phòng ban chức năng tiếp tục rà soát các quy chế nội bộ, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với quy định mới của pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty; các nghị quyết, quyết định về các nội dung như: tang vốn điều lệ tại CIC, giao quản lý vốn cho Người đại diện vốn đầu tư tại các doanh nghiệp Coninco, Incosaf, quyết định bổ nhiệm cán bộ và một số nội dung khác ...

- Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

Tổng giám đốc, Ban giám đốc đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ngay từ đầu năm, với mục tiêu tăng trưởng sản xuất, Ban điều hành Tổng công ty đã cụ thể hóa các chỉ tiêu được giao đến từng đơn vị sản xuất và thường xuyên duy trì các buổi làm việc trao đổi định hướng phát triển đơn vị và triển khai công việc hàng tháng, quý hoặc đột xuất. Ban tổng giám đốc đã rất cố gắng, quyết liệt trong điều hành sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt các chủ trương chính sách của nhà nước nhằm đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, tập trung quản trị xây dựng hệ thống. tăng cường công tác thu hồi công nợ..., kết quả mang lại là Tổng công ty đã có một năm tang trưởng cao về doanh thu, về giá trị hợp đồng ký kết được và lợi nhuận cũng vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông 2025 giao; tiền lương, thu nhập của người lao động được nâng cao.

Một số công tác đang triển khai thực hiện như rà soát điều chỉnh hoặc hiệu chỉnh các quy chế, quy định nội bộ hiện còn chậm và phải chỉnh sửa nhiều lần, đề nghị cần đẩy nhanh tiến độ để sớm đưa vào áp dụng.

B- TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 – 2026 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026:

I. Hoạt động của ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên trong nhiệm kỳ 2021-2026:

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Phúc | - Trưởng ban kiểm soát |
| - Ông Phạm Vũ Thành | - Kiểm soát viên |
| - Ông Hoàng Khánh Duy | - Kiểm soát viên |

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc định kỳ như đánh giá tình hình tài chính, thẩm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty, theo đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị liên quan đến công tác quản trị để HĐQT, Tổng giám đốc xem xét, tham khảo.

Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban Tổng với Ban giám đốc, họp giao ban giữa HĐQT, BGĐ với các người đại diện vốn tại các công ty có vốn đầu tư; tham gia công tác kiểm tra giám sát tài chính hàng năm tại Tổng công ty và các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VNCC; phối hợp với Tài chính kế toán kiểm tra công tác kế toán tại các đơn vị trực thuộc, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, đánh giá tình hình tài chính của Tổng công ty.

Tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình dự thảo, ban hành hoặc sửa đổi một số quy chế, quy định của Tổng công ty.

Các kiểm soát viên làm việc trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đạo đức nghề nghiệp, cố gắng thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách cẩn trọng, trung thực nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty.

Các kiểm soát viên phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban chức năng và các cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện công việc.

II. Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021 – 2025:

Trong những năm đầu nhiệm kỳ 2021, 2022 do ảnh hưởng của đại dịch covid nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có nhiều ảnh hưởng và sụt giảm mạnh so với năm 2020, tuy nhiên bằng sự nỗ lực cố gắng của HĐQT, BGD và người lao động, Tổng công ty vẫn giữ được nhịp sản xuất, đảm bảo đời sống người lao động và kinh doanh có lãi, thực hiện chi trả cổ tức đạt 100% tỷ lệ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao (riêng năm 2022 thực hiện chi trả cổ tức bằng 125% nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao).

TỔNG HỢP QUẢ KINH DOANH 2021-2025 CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu	Tỷ đ	217,15	266,03	257,43	319,91	432,09
LN trước thuế	Tỷ đ	20,92	20,02	31,21	43,50	43,46
LN sau thuế	Tỷ đ	19,01	17,91	27,23	37,19	37,71
Cổ tức	% VDL	3,60%	3,75%	6%	8%	8%
Vốn CSH	Tỷ đ	382,02	380,92	390,24	400,20	402,32
Tổng tài sản	Tỷ đ	535,67	567,78	591,02	606,88	669,33

- Tăng trưởng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 của Công ty mẹ đạt được như sau:

- Doanh thu tăng bình quân 11,3%/năm;
- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân 14,3%/năm;
- Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 13,1%/năm;
- Mức chi trả cổ tức được nâng cao từ 3,6% cho năm 2021 lên 8% năm 2025 (tăng 2,2 lần).

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT 2021 - 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu	Tỷ đ	645,79	765,96	651,00	761,00	1.121,93
LN trước thuế	Tỷ đ	33,12	40,89	43,18	67,44	70,51
LN sau thuế	Tỷ đ	28,15	31,44	34,78	55,78	57,49
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	459,99	462,23	467,21	486,27	494,40
Tổng tài sản	Tỷ đ	1.153,04	1.176,30	1.117,12	1.155,69	1.367,99

- Giá trị sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2021 – 2025 đạt mức tăng trưởng như sau:

- Doanh thu tăng bình quân 26,0%/năm;
- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân 14,3%/năm;
- Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 14,2%/năm;

b. Công tác tài chính:

- Tổng công ty đã thực hiện việc lập Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam và công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính các năm của nhiệm kỳ được soát xét và kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán trong danh sách đã được Bộ Tài chính, UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:

- Việc trích và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm.

d. Thực hiện công bố thông tin:

- Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo đúng quy định đối với các công ty đại chúng.

III. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

a. Đối với hội đồng quản trị:

- HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ Tổng công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành mọi hoạt động của Tổng công ty.
- HĐQT đã kịp thời ban hành mới/điều chỉnh các quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ; HĐQT đã ban hành các quy chế: Quy chế công bố thông tin, Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy chế quản lý tài chính.
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Trong nhiệm kỳ 2021-2026, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty như: thành lập mới/ tái cơ cấu các đơn vị sản xuất trực thuộc; bổ nhiệm cán bộ quản lý, giao quản lý vốn cho Người đại diện vốn tại các công ty có vốn góp; Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện Kiểm toán các Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty ... Nhìn chung, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật và Tổng công ty.
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. HĐQT thông qua đại diện

quản lý vốn của các công ty cổ phần thực hiện quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên.

b. Đối với Ban điều hành:

- Ban điều hành, đứng đầu là Tổng giám đốc đã chủ động cụ thể hóa và kịp thời triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT nhằm đạt được mục tiêu hàng năm của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban điều hành có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực trong tìm kiếm công việc, sát sao trong chỉ đạo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Trong 5 năm qua, giá trị doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức của Tổng công ty đã được nâng cao lên nhiều (tăng khoảng 2 lần), tốc độ tăng trưởng bình quân >10%/năm.

- Đối với công tác xây dựng hệ thống, cải tiến quy trình sản xuất: Ban điều hành đã luôn tìm hiểu những điểm mới, tiến bộ đưa vào áp dụng nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng của sản phẩm đầu ra, nâng cao uy tín cho Tổng công ty.

IV. Một số đề xuất kiến nghị:

- Đề nghị HĐQT đơn đốc Người đại diện tại CTCP Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng (CCBM) với vai trò người đứng đầu doanh nghiệp khẩn trương hoàn thành xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bất động sản đầu tư 494m² sàn tầng 4 tòa nhà VG Buiding, tránh việc đơn vị kiểm toán độc lập có ý kiến trong Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Đề nghị đơn đốc Người đại diện tại Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) phối hợp với HĐQT VCC và Ban điều hành VCC hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ nhằm tránh việc khiếu nại không đúng thẩm quyền gây ảnh hưởng đến Tổng công ty.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất của Tổng công ty.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2023 – 2027, tầm nhìn 2030 để đảm bảo Tổng công ty và các công ty thành viên hoạt động hiệu quả hơn.

V. Phương hướng hoạt động năm 2026:

Thực hiện công tác kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, Tổng giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết, quyết định, quy chế của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công

tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, 06 tháng và báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

- Giám sát các kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình triển khai hoạt động kinh doanh và đầu tư, giám sát tài chính của Tổng công ty và các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty; giám sát việc thực hiện các chỉ đạo của Tổng công ty đối với Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP cho hoạt động năm 2025, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và phương hướng kế hoạch năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã chú ý lắng nghe./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Phúc

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Ban Giám đốc Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP xin báo cáo đến quý cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Tổng công ty với các nội dung như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực, mặc dù vẫn tồn tại thách thức như áp lực từ thiên tai, biến đổi khí hậu, chi phí đầu vào gia tăng... nhưng hoạt động đầu tư xây dựng tiếp tục mở rộng và phát triển, đặc biệt là đầu tư bất động sản. Bên cạnh đó, chủ trương đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong việc duy trì sự ổn định của thị trường xây dựng. Các chính sách thúc đẩy đô thị hóa, sáp nhập đơn vị hành chính, cùng định hướng phát triển nhà ở xã hội và hạ tầng thiết yếu đã góp phần gia tăng đáng kể nhu cầu đầu tư trong lĩnh vực xây dựng. Trong bối cảnh đó, ngành tư vấn thiết kế nói chung và VNCC nói riêng đứng trước cơ hội phát triển. Nhu cầu lập quy hoạch, thiết kế và triển khai các dự án hạ tầng, công nghiệp, dân dụng tăng mạnh, mở ra dư địa tăng trưởng đáng kể cho các doanh nghiệp tư vấn thiết kế xây dựng có năng lực, kinh nghiệm và thương hiệu.

Năm bắt tình hình thực tiễn, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Giám đốc Tổng công ty, sự phối hợp chặt của đơn vị và các phòng chức năng, Tổng công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH/KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	319,2	432,0	135,34%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,3	37,7	116,72%
3	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	8	8	100%

2. Các công việc và giải pháp đã triển khai thực hiện

2.1. Công tác quản trị, hệ thống

Công tác quản trị được duy trì ổn định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành và thúc đẩy chuyển đổi số. Các hệ thống phần mềm và

quy trình phối hợp nội bộ ngày càng được chuẩn hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động. Ban Giám đốc Tổng công ty thường xuyên tổ chức các buổi họp giao ban, phân tích tình hình sản xuất định kỳ hàng tháng và đột xuất, mời giám đốc các đơn vị cùng tham gia để kịp thời nắm bắt các tồn đọng cần khắc phục, đưa ra giải pháp tháo gỡ. Song song với đó, công tác xây dựng hệ thống luôn được chú trọng, Tổng công ty đã thành lập thêm 02 đơn vị mới, cả hai đã đi vào hoạt động và đều đạt được kết quả tích cực.

Trong năm, Tổng công ty đã ban hành quy định về Văn phòng chủ nhiệm, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho hoạt động điều phối, quản lý chất lượng và kiểm soát tiến độ trong toàn hệ thống. Hiện nay, Tổng công ty đang xây dựng thư viện công trình và thư viện nhân sự nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác hậu kiểm năng lực hoạt động và hỗ trợ các đơn vị trong quá trình lập hồ sơ dự thầu. Tổng công ty cũng đã hoàn thành đánh giá và lập danh sách bổ sung nhà thầu phụ theo quy định nhằm hỗ trợ các đơn vị trong quá trình thực hiện dự án, tuy nhiên Tổng công ty cũng có định hướng tránh việc phải thuê thầu phụ, đảm bảo chất lượng cho dự án. Ban Giám đốc Tổng công ty đã phân công thành viên chủ trì và chỉ đạo các phòng ban chuyên môn hoàn thiện bổ sung sửa đổi các quy chế, như Quy chế tiền lương, Quy chế giao khoán nội bộ trình HĐQT xem xét phê duyệt.

Công tác pháp chế được chú trọng qua việc thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực tư vấn thiết kế gồm các quy định pháp luật của các Luật sửa đổi Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Quy hoạch Đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng... Tăng cường kiểm tra việc tuân thủ quy định nội bộ trong các đơn vị.

Ngoài nhiệm vụ chuyên môn, Ban Giám đốc Tổng công ty luôn quan tâm đến đời sống cán bộ, nhân viên, thực hiện tốt các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động. Thực hiện trích quỹ theo quy định để khen thưởng cho các cá nhân có thành tích nổi bật, tập thể đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch nhằm khuyến khích động viên tinh thần và trách nhiệm làm việc của cán bộ nhân viên. Tổng công ty đang nghiên cứu cải tiến qui chế tiền lương đảm bảo phù hợp với hiệu quả công việc và năng lực của người lao động, nâng cao đời sống cán bộ, nhân viên và giữ chân nguồn nhân lực có năng lực, trình độ.

2.2. Công tác phát triển thị trường, thi tuyển, dự thầu

Năm 2025 được đánh giá là một năm thành công đối với Tổng công ty trong công tác phát triển thị trường. Số lượng dự án trúng thầu, số lượng hợp đồng ký kết cũng như tổng giá trị hợp đồng đều ghi nhận mức tăng cao. Tổng công ty luôn chú trọng duy trì, củng cố quan hệ với hệ thống khách hàng lâu năm. Tổng công ty tiếp tục hợp tác với nhiều chủ đầu tư lớn như Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), Văn phòng Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), Tập đoàn T&T, Sungroup, Vingroup, Tập đoàn Văn Phú, Tập đoàn Bitexco và thành công với một số khách hàng mới như Tập đoàn Masterise..., qua đó nâng cao khả năng tham gia các gói thầu quy mô lớn, phức tạp và gia tăng cơ hội hợp tác lâu dài. Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án hợp tác với đối tác nước ngoài thông qua hình

thức liên danh, liên kết. Một số đơn vị đã thực hiện nhiều dự án với các chủ đầu tư quốc tế như Vinata, Shimizu, Zenitaka, Kajima, Toda, Japfa, dự án Hippodrome tại Cộng hoà Kyrgyzstan, Thiết kế bể nước tại Philippines...

Công tác chào giá, dự thầu năm 2025 thực hiện tích cực. Toàn Tổng công ty đã tham gia 609 chào giá/dự thầu qua mạng với tổng giá trị 3.017 tỷ đồng, trúng 318 gói với tổng giá trị 1.014 tỷ đồng. Công tác đấu thầu qua mạng được thực hiện ngày càng chuyên nghiệp hơn đặc biệt là ở mảng tư vấn giám sát, quản lý dự án.

Công tác thi tuyển luôn được Tổng công ty quan tâm và đã đạt được nhiều giải thưởng cao, được ký kết hợp đồng.

Một số hợp đồng tiêu biểu:

Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công trình Tổ hợp chung cư cao tầng dự án Khu đô thị hỗn hợp, giải trí cao cấp tại phía Nam thành phố Bắc Giang (giá trị 39,7 tỷ); Lập thiết kế cơ sở và Báo cáo nghiên cứu khả thi các công trình thuộc Giai đoạn 1 - 72,71ha thuộc dự án Thành phố Thông minh tại xã Vĩnh Ngọc, Kim Nỗ, Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội (giá trị 48,7 tỷ); Thiết kế ý tưởng (cơ điện), Thiết kế cơ sở (kiến trúc, kết cấu, cơ điện), thiết kế bản vẽ thi công (kiến trúc, kết cấu, cơ điện) Tháp không lưu ATC thuộc Cảng Hàng không quốc tế Gia Bình (giá trị 38,8 tỷ); Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế dự án Khu đô thị mới Kim Chung Di Trạch, Hà Nội (giá trị 35 tỷ); Lập quy hoạch tổng mặt bằng, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Thiết kế Dự án nhà cao tầng A2-CT1 và A4-CT3 Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội tại Phường Việt Hưng, Hà Nội (27,7 tỷ); Lập phương án kiến trúc, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế nhà ở cao tầng OCT-HH và thương mại dịch vụ tại tỉnh Bắc Giang (giá trị 24,5 tỷ); Lập Hồ sơ xin chấp thuận dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết 1/500, Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế Khu chức năng TMDV thuộc KCN Lai Cách, Hải Phòng (22,5 tỷ); Thiết kế địa phương, lập và trình nộp hồ sơ pháp lý (Kiến trúc, Kết cấu, Mep) Dự án phát triển nhà cao tầng tại khu đô thị The Manor Central Park (Nam vành đai 3) Đại Kim và xã Thanh Liệt, Hà Nội (21,3 tỷ); Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế dự án Nhà ở cao tầng OCT2, OCT3 xã Đông Xá, Văn Đồn, Quảng Ninh (giá trị 21 tỷ); Tư vấn thiết kế kiến trúc địa phương và thiết kế Khu chức năng đô thị tại số 233, 233B và 235 đường Nguyễn Trãi, Hà Nội (18,6 tỷ); Lập quy hoạch rút gọn, Thiết kế ý tưởng, Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế nhà ở cao tầng tại lô đất CT3, CT4 khu tái định cư Xuân La, Hà Nội (giá trị 16,5 tỷ); Thiết kế Bản vẽ thi công công trình hạ tầng kỹ thuật và lập mô hình BIM hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án KCN Song Mai - Nghĩa Trung, Bắc Giang (giá trị 16,2 tỷ); Tư vấn thiết kế kiến trúc địa phương, kết cấu hạ tầng ngoài nhà dự án Khu đô thị biển cao cấp Hòn Một tại phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (15,8 tỷ); Lập đề xuất dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết 1/500, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế Khu chức năng dịch vụ thuộc KCN Đại An mở rộng Cẩm Giàng, Hải Dương (giá trị 14,3 tỷ); Thiết kế bản vẽ thi công dự án Tòa nhà Viettel Đà Nẵng tại Khu công viên Bắc Tượng đài, Hải Châu, Đà Nẵng (giá trị 13,8 tỷ); Thiết kế bản vẽ thi công Trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong Hà Nội (giá trị 12,8 tỷ); Thiết kế bản vẽ thi công Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng

Bệnh viện Đa khoa tại phường Trần Lãm, Hưng Yên (12,7 tỷ); Tư vấn thiết kế kết cấu và cơ điện hạng mục Biệt thự, Nhà Câu Lạc Bộ và tổ hợp Văn Phòng Bán Hàng, Nhà Mẫu tại Hà Nội, thuộc dự án Trump International Hưng Yên (12,3 tỷ); Lập Phương án kiến trúc, báo cáo nghiên cứu khả thi, tư vấn BIM giai đoạn thiết kế cơ sở các công trình cao tầng 12 lô đất từ CT5 đến CT12, HH1 đến HH4 thuộc Dự án Phân khu A – KĐT Phía Bắc QL5, thuộc KĐT Phố Mới, Mỹ Hào, Hưng Yên (giá trị 12,3 tỷ); Thiết kế bản vẽ thi công trạm Viettel An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (giá trị 12,2 tỷ); Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế dự án NOXH tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B – Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, Đà Nẵng (giá trị 12,2 tỷ); Dịch vụ tư vấn kỹ thuật dân dụng và kết cấu dự án Khu đô thị mới Sông Cẩm tại phường Thủy Nguyên, Hải Phòng (11,9 tỷ); Tư vấn thiết kế cho dự án Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1 tại Cụm Công nghiệp Bắc Văn Yên, Yên Bái (giá trị 11,6 tỷ); Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế Nhà ở xã hội khu đô thị mới khóm 5, phường 1, Cà Mau (giá trị 10,4 tỷ); Lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, Thiết kế bản vẽ thi công dự án Khách sạn Phú Quốc, tỉnh An Giang (10,1 tỷ).

Các giải thưởng đạt được trong năm:

Giải đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2024-2025, tác phẩm Tòa Han Jardin, Hạng mục kiến trúc Nhà ở. Giải đồng - Trụ sở Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam, Hạng mục Kiến trúc công trình công cộng.

Giải Bạc Giải thưởng Quy hoạch Đô thị Quốc gia lần thứ IV năm 2024–2025 (VUPA 2024) với hai tác phẩm là Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500, Thiết kế cơ sở, Thiết kế bản vẽ thi công Dự án khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cửu Long và Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái và Cột cờ huyện Sĩ Ma Cai.

Giải Nhất thi tuyển phương án kiến trúc dự án “Bệnh viện đa khoa Tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện khu vực duyên hải Nam trung bộ”. Liên danh Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP, Azusa Sekkei Co.,Ltd (AZS) và Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Việt Nam; Giải Nhất phương án kiến trúc Công trình hỗn hợp cao tầng Khu đô thị Nam Thái, Phố Yên, Thái Nguyên; Giải Nhất phương án kiến trúc Trụ sở Ngân hàng BIDV Phú Thọ.

Giải Nhì (không có giải Nhất) phương án kiến trúc công trình Khu liên hợp văn hóa thể thao Tỉnh Hải Dương; Giải Nhì (không có giải nhất) phương án kiến trúc Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí, Quảng Ninh) Liên danh Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP và Công ty cổ phần và đầu tư kiến trúc Việt Nam.

Giải Ba phương án thiết kế kiến trúc Tượng đài Thanh niên xung phong Điện Biên Phủ (không có giải nhất); Giải Ba phương án kiến trúc Dự án trại giam thông minh; Giải Ba phương án kiến trúc Cơ sở mới của học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2.3. Công tác điều hành sản xuất

Về công tác quản lý hợp đồng: Công tác kiểm soát, quản lý hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý luôn được quan tâm sát sao, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng quy

trình của Tổng công ty, đảm bảo yêu cầu của Chủ đầu tư. 100% các hợp đồng đều được rà soát nội dung pháp lý trước khi ký kết nhằm hạn chế các rủi ro khi thực hiện, công tác thương thảo và soạn thảo hợp đồng của các đơn vị đều đã có kinh nghiệm, ngoại trừ một số điều khoản phải theo mẫu của chủ đầu tư (không bất lợi cho Tổng công ty) thì các hợp đồng đều phù hợp quy định của pháp luật.

Về công tác rà soát thu hồi vốn hợp đồng: Công tác thu hồi công nợ được Tổng công ty triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm. Ban Giám đốc Tổng công ty thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình công nợ, đánh giá các khó khăn vướng mắc và đưa ra định hướng, giải pháp cụ thể cho từng trường hợp. Theo đó việc theo dõi, giám sát và đôn đốc thu hồi công nợ được thực hiện thường xuyên, góp phần cải thiện dòng tiền và nâng cao hiệu quả tài chính của Tổng công ty. Công tác thu hồi công nợ năm 2025 của Tổng công ty đạt hiệu quả tốt, tính đến 31/12/2025, Tổng công ty thu hồi được 416,79 tỷ đồng từ 595 hợp đồng, đạt 154,37% kế hoạch năm. Trong đó, thu hồi từ các hợp đồng ký trong 3 năm (2022, 2023, 2024) đạt 186,84 tỷ đồng, chiếm 45,03% số tiền đã thu hồi; hợp đồng ký năm 2025 đạt 156,46 tỷ đồng, chiếm 42,12% số tiền đã thu hồi.

Công tác quản lý chất lượng, chất lượng dịch vụ: Ban Giám đốc Tổng công ty liên tục chỉ đạo các phòng chức năng theo dõi, bám sát quá trình thực hiện của từng dự án để kịp thời thông báo tình hình đáp ứng tiến độ hợp đồng. Vai trò Chủ nhiệm dự án được tăng cường trong công tác điều phối, quản lý. Thông qua công tác theo dõi tiến độ, Tổng công ty đã kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Trong năm, tiến độ của nhiều dự án phải điều chỉnh so với kế hoạch ban đầu do Chủ đầu tư thay đổi nhiệm vụ thiết kế theo nhu cầu thị trường. Một số dự án kéo dài và triển khai không liên tục gây gián đoạn thông tin, thay đổi kế hoạch và nhân sự từ phía chủ đầu tư, làm ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai. Các hồ sơ thiết kế hiện tại chưa ghi nhận sự cố kỹ thuật nghiêm trọng do lỗi thiết kế gây ra. Tuy nhiên trong quá trình triển khai, một số hợp đồng Chủ đầu tư gửi văn bản phản nản về chất lượng, tiến độ, nguyên nhân do chưa bố trí đầy đủ nhân sự, hoặc chưa thống nhất được phạm vi công việc giữa các bộ môn. Mặt khác tại một số dự án, nhân sự thực hiện chưa nắm rõ về tiêu chuẩn, quy chuẩn và các văn bản pháp lý hiện hành liên quan đến công việc thiết kế dẫn tới hay mắc các lỗi về vi phạm tiêu chuẩn, quy chuẩn làm mất thời gian chỉnh sửa, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng hồ sơ thiết kế. Công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm còn thiếu tính đồng đều, tình trạng này do chưa hình thành được mô hình quản lý chất lượng tập trung, chưa có hệ thống tiêu chí quy chuẩn đánh giá chất lượng thống nhất cho các nhóm sản phẩm tư vấn, chưa có cơ chế giám sát, đánh giá từ một bộ phận chuyên trách độc lập, dẫn đến những hạn chế trong công tác kiểm soát chất lượng. Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới và nâng cao công tác kiểm soát chất lượng hiệu quả, Tổng công ty đang trong quá trình hoàn thiện đề án thành lập bộ phận quản lý kỹ thuật, gắn công tác kiểm soát chất lượng với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về công tác chuyển đổi số, khai thác sử dụng các phần mềm Quản lý: Tổng công ty đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số làm đầu mối tham mưu cho Ban Giám đốc Tổng công ty, Ban chỉ đạo đã tổ chức nhiều cuộc họp với các đối tác về công tác chuyển đổi số nhằm xây dựng lộ trình phù hợp. Công tác chuyển đổi số đã sơ bộ giới thiệu đến các toàn

thể cán bộ nhân viên và đang trong giai đoạn triển khai xây dựng các nội dung. Hiện nay đang hoàn thiện Đề án cho giai đoạn 2025-2030.

Đối với công tác ứng dụng Bim, Revit: Tổng công ty đã triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng Bim, Revit trong thiết kế, giúp quản lý dữ liệu, mô phỏng công trình 3D, hạn chế sai sót và tiết kiệm chi phí.

Tổng công ty không chỉ đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất mà đồng thời tập trung nghiên cứu, hoàn thiện công tác quản trị số. Mục tiêu hướng tới là xây dựng hệ thống quy trình xử lý nội bộ được số hóa, giảm thiểu tối đa giấy tờ thủ công, rút ngắn thời gian xử lý công việc và hình thành môi trường làm việc số.

2.4. Công tác tài chính kế toán

- Công tác tài chính:

Tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Chỉ tiêu nợ phải trả chủ yếu từ các khoản tiền chủ đầu tư ứng trước cho các hợp đồng mới ký kết hoặc đang trong quá trình thực hiện theo cam kết. Trong năm, Tổng công ty đã đôn đốc thu hồi cổ tức của các công ty thành viên có tham gia góp vốn, 12/12 công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2025, đạt 100% kế hoạch.

Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch chi phí nội bộ năm 2025, Báo cáo kết quả sử dụng Quỹ khen thưởng, Phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý năm 2024 và kế hoạch năm 2025, đã xây dựng Kế hoạch giám sát tài chính năm trình HĐQT phê duyệt. Thực hiện việc chi trả cổ tức cho các cổ đông, hoàn thành công tác chi trả cổ tức cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và các cổ đông trong tháng 10/2025. Công tác lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được lập và nộp đầy đủ, đúng hạn cho các cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện đăng tải công bố thông tin theo đúng quy định.

- Tình hình kiểm tra công tác kế toán:

Tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc theo chế độ, chính sách kế toán hiện hành của Nhà nước, đảm bảo cân đối thu chi, tăng tích lũy. Tổng công ty đã triển khai và cập nhật các văn bản liên quan đến Luật thuế GTGT; Luật thuế TNDN và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn quy định về hóa đơn, chứng từ, thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.5. Công tác quản lý lao động và đào tạo

- Công tác quản lý lao động: Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số nhân sự Tổng công ty là 520 người (có 177 nữ, chiếm 34,8%), bao gồm 163 KTS, 124 KSXD, 20 KS KTXD, 17 KS Hạ tầng đô thị, 37 KS điện, 15 KS cấp thoát nước, 13 KS trắc địa, 131 kỹ sư, cử nhân, công nhân khác. Trong năm, Tổng công ty đã tuyển mới 100 cán bộ, gồm 44 kiến trúc sư, 42 kỹ sư các ngành, 13 cử nhân đại học và 01 cử nhân cao đẳng. Công tác tuyển dụng tập trung nhân sự có kinh nghiệm, có năng lực. Trong năm, Tổng công ty đã thực hiện bổ nhiệm 03 Giám đốc đơn vị và 17 Phó Giám đốc đơn vị, bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng giám đốc, 01 Giám đốc đơn vị và 07 Phó Giám đốc đơn vị.

- *Công tác đào tạo*: Năm 2025, Tổng công ty đã tổ chức và cử cán bộ tham gia 17 nội dung đào tạo, trong đó tiêu biểu Hội thảo Từ BIM cộng tác đến BIM tích hợp AI; đào tạo Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Toạ đàm về những điểm mới của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; đào tạo Lịch sử và truyền thống VNCC nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập VNCC.

2.6. Công tác triển khai đề án tái cơ cấu

Công tác thoái vốn theo Đề án Tái cơ cấu tại Công ty CCBM, Tổng công ty đã làm việc với Công ty VACO về việc xác định giá trị vốn đầu tư của Tổng công ty tại CCBM, xác định giá trị sàn tầng 4 Tòa nhà VG Building. Hiện nay công tác thoái vốn này đang tạm dừng theo chỉ đạo của HĐQT. Ngoài ra năm 2025 đã hoàn thành công tác tăng vốn tại Công ty CIC nhằm củng cố năng lực tài chính và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; hoàn thành việc xin ý kiến và thông qua chủ trương đầu tư trụ sở làm việc của Công ty CIC và chủ trương triển khai đầu tư mua sàn thương mại làm trụ sở làm việc kết hợp thuê mở rộng văn phòng của Công ty CDC.

Công tác xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án thoái vốn của SCIC tại Tổng công ty được tiếp tục thực hiện theo lộ trình. Tổng công ty đã làm việc và cung cấp hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (Công ty TNHH Tư vấn và Định giá UHY), đồng thời cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu phục vụ theo yêu cầu của đơn vị tư vấn và tổ chức bán cổ phần của Tổng công ty SCIC tại Tổng công ty (Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt).

2.7. Công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng Revit, BIM

Trong năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thiện công tác đăng ký chứng nhận thực hiện 3 đề tài BIM với Bộ Khoa học công nghệ; Phối hợp cùng Hội kết cấu và công nghệ xây dựng Việt nam để triển khai thực hiện đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất các điều kiện kỹ thuật phù hợp với đặc thù Việt nam trong thiết kế kết cấu bê tông” thời gian thực hiện trong 2 năm 2025-2026; Xây dựng Đề cương và lập kế hoạch triển khai thực hiện đề tài Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định chi phí thiết kế công trình phù hợp với điều kiện, mô hình, phương thức sản xuất của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP; Thực hiện đề tài “Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn phương pháp để xác định chi phí thiết kế công trình phù hợp với điều kiện, mô hình, phương thức sản xuất của Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP”; “Xây dựng hướng dẫn tư vấn đầu tư, triển khai đầu tư và thiết kế xây dựng nhà ở xã hội tại Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP” thực hiện trong năm 2025-2026.

2.8. Công tác tổ chức sự kiện kỷ niệm 70 năm thành lập Tổng công ty

Tổng công ty đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 70 năm thành lập, đây là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc lịch sử của VNCC và ghi nhận những đóng góp của nhiều thế hệ cán bộ, chuyên gia trong suốt quá trình xây dựng và phát triển. Lễ kỷ niệm được triển khai bài bản, từ nội dung chương trình, truyền thông sự kiện, đón

tiếp đại biểu đến tổ chức hậu cần, bảo đảm sự trang trọng, an toàn và hiệu quả. Sự kiện thu hút sự tham dự của các đối tác chiến lược, khách hàng lớn, chuyên gia đầu ngành cùng đông đảo cán bộ, nhân viên. Hoạt động này đã góp phần lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh thương hiệu VNCC, khẳng định uy tín và vị thế của Tổng công ty là đơn vị tư vấn xây dựng hàng đầu tại Việt Nam. Việc tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 70 năm đã tạo tác động lan tỏa sâu rộng, góp phần củng cố bản sắc văn hóa doanh nghiệp, tăng cường sự đoàn kết, khơi dậy niềm tự hào và tinh thần cống hiến của cán bộ nhân viên. Đây cũng là dịp để Tổng công ty tri ân khách hàng, mở rộng mối quan hệ chiến lược và nâng cao hình ảnh thương hiệu hướng tới giai đoạn phát triển mới.

2.9. Công tác ISO

Năm 2025, công tác ISO được duy trì liên tục. Cán bộ, nhân viên luôn nghiêm túc áp dụng các quy trình ISO trong xử lý công việc, góp phần mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác thực hiện hợp đồng.

2.10. Công tác quản lý sàn cho thuê và vận hành trụ sở VNCC

- *Công tác quản lý sàn cho thuê:* 100% diện tích sàn tại tòa nhà Trụ sở VNCC đã được cho thuê góp phần tăng hiệu quả tài sản và gia tăng doanh thu.

- *Công tác vận hành tòa nhà:* An toàn PCCC trong tòa nhà luôn được chú trọng, các thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Ban quản lý đã thực hiện việc rà soát, nâng cấp hệ thống trang thiết bị, sửa chữa các hạng mục hỏng hóc, các hạng mục công trình ngoài trời, bổ sung cảnh quan các khu vực... Thực hiện công tác bảo trì, kiểm định định kỳ hệ thống thang máy, tiếp địa chống sét, thiết bị, hệ thống PCCC, sơn lại toàn bộ tường khu vực chung bên trong nhà và cầu thang bộ, cải tạo vườn treo, sân trụ sở tòa nhà...

2.11. Đánh giá chung

Năm 2025, Tổng công ty đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Công tác sản xuất kinh doanh có sự tăng trưởng rõ rệt. Đặc biệt trong mảng phát triển thị trường khi số lượng và giá trị các gói thầu trúng tăng mạnh so với năm 2024. Năng lực cạnh tranh tiếp tục được củng cố nhờ việc đổi mới phương thức tiếp cận khách hàng, nâng cao chất lượng hồ sơ chào giá và phát huy vai trò của các đơn vị chủ nhiệm. Tỷ lệ trúng thầu và giá trị hợp đồng đều tăng so với năm trước, tạo nền tảng vững chắc cho kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Tổng công ty vẫn còn tồn tại cần khắc phục như: một số bộ phận chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi số; chất lượng điều hành ở một số đơn vị chưa đồng đều; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu so với nhu cầu mở rộng quy mô dự án... Tuy nhiên, với những nền tảng đã xây dựng trong năm 2025, Tổng công ty có cơ sở vững chắc để bước vào giai đoạn tăng trưởng mới. Những kết quả đạt được thể hiện sự quyết tâm, đoàn kết và tinh thần chủ động vượt khó của toàn Tổng công ty, đồng thời tạo đà quan trọng để Tổng công ty tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Công tác sản xuất kinh doanh

➤ Triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026

Năm 2026, Tổng công ty tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn thiết kế bằng cách triển khai thực hiện hoàn thành tốt các hợp đồng đã ký kết, khai thác các nguồn việc mới, đảm bảo đủ việc làm thường xuyên và ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn cho mọi loại hình dịch vụ. Kiểm soát chặt chẽ, đúng qui định công tác quản lý chất lượng sản phẩm trước khi bàn giao cho khách hàng. Tiếp tục tập trung vào các công trình lớn, trọng điểm đem lại giá trị kinh tế cao.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 của Tổng công ty như sau:

- Tổng doanh thu Công ty mẹ: 475,5 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ: 41,5 tỷ đồng.
- Cổ tức: tối thiểu 8%/vốn điều lệ.

➤ Quản lý hợp đồng, điều hành sản xuất:

Trong năm 2026 tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát hợp đồng. Quản lý, đôn đốc có hiệu quả công tác nghiệm thu, công tác ghi nhận doanh thu và thu hồi công nợ nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch tiền về. Tiếp tục mục tiêu “Tăng cường, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn và thiết kế” nhằm đảm bảo theo dõi tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng. Thường xuyên cập nhật các nghị định, luật sửa đổi và các điều khoản liên quan đến xây dựng cơ bản để áp dụng linh hoạt và tư vấn tốt cho khách hàng.

➤ Thu hồi công nợ:

Tiếp tục duy trì tổ công tác thu hồi nợ, thường xuyên rà soát, kiểm tra và theo dõi công nợ, kịp thời xử lý, hỗ trợ công tác thu hồi nợ của các dự án. Đưa ra các giải pháp thu hồi công nợ bằng cách lập bảng theo dõi, định kỳ thông báo nợ tới khách hàng bằng cách gọi điện nhắc nhở, gửi email, tin nhắn..., đối với các công nợ mới định kỳ nhắc nhở theo kế hoạch đã lập, tổ chức các cuộc họp với khách hàng để thống nhất về kế hoạch trả nợ.

2. Công tác quản trị

Tiếp tục nâng cao công tác điều hành quản lý, nâng cao công tác quản trị từ ban lãnh đạo tới các phòng ban khối chức năng và các đơn vị nhằm tối ưu hóa hiệu suất và tạo ra lợi nhuận bền vững. Thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể trong Ban Giám đốc. Đưa ra các biện pháp, giải pháp để xây dựng kế hoạch quản trị phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty. Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng ban chức năng nhằm đảm bảo thông tin được chia sẻ và xử lý kịp thời. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chất lượng, tiến độ đúng qui định, qui trình thông qua các phần mềm quản lý. Rà soát, cập nhật các qui trình sản xuất đảm bảo chất lượng và tiến độ nhằm tối ưu hóa nguồn lực, giảm thời gian chi phí và tăng năng suất lao động.

3. Công tác tài chính, kế toán

Tổ chức kiểm toán định kỳ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt công tác lập và tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo đúng pháp luật hiện hành. Tiếp tục tăng cường công tác đối chiếu và thu hồi công nợ, giảm thiểu rủi ro tài chính và nâng cao hiệu quả. Tăng cường tiết giảm chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất, mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

Thường xuyên theo dõi và cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, tài chính, kế toán, thuế đảm bảo tuân thủ và thích ứng với sự thay đổi của pháp luật trong việc áp dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

4. Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Mục tiêu năm 2026 của Tổng công ty là chuyển đổi số toàn diện cho toàn bộ hệ thống, trong đó sẽ tập trung hoàn thiện bổ sung sửa đổi hệ thống phần mềm quản lý văn phòng, phần mềm quản lý hợp đồng và các phần mềm chuyên môn khác. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động tư vấn và thiết kế, đưa công nghệ BIM trở thành tiêu chuẩn trong tất cả các dự án. Đánh giá nhu cầu và tiềm năng của ứng dụng, xây dựng chiến lược cụ thể, lập kế hoạch đầu tư hạ tầng công nghệ. Tăng cường công tác đào tạo nhân sự về công nghệ mới, tổ chức các khóa học, hội thảo chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

5. Công tác giám sát kế hoạch SXKD đối với công ty thành viên

6.1. Công tác xây dựng và giao kế hoạch các công ty thành viên: Triển khai công tác giao kế hoạch cho Người đại diện vốn tại các công ty thành viên năm 2026 (thực hiện trong tháng 3, tháng 4, tháng 5 năm 2026).

6.2. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đôn đốc thu hồi cổ tức đối với các công ty thành viên để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD, chia sẻ thông tin hoạt động, tình hình thị trường và các khó khăn vướng mắc trong hoạt động quản trị doanh nghiệp với Người đại diện vốn tại các công ty thành viên để kịp thời nắm bắt được công tác thực hiện từ đó đề xuất các giải pháp tối ưu nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn.

7. Công tác đào tạo, nhân sự

Tiếp tục kiện toàn sắp xếp nhân sự, cơ cấu tổ chức, hoàn thiện hệ thống phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty và mục tiêu, chiến lược của Tổng công ty giai đoạn 2023-2027, tầm nhìn 2030. Rà soát để tổ chức triển khai, hoàn chỉnh, tinh gọn, khoa học, hiệu quả bộ máy phòng ban, đơn vị nhằm đáp ứng tình hình thực tế cũng như định hướng phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới. Tăng cường nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý bằng cách tổ chức thêm các khóa học về kỹ năng lãnh đạo quản lý, quản trị doanh nghiệp.

8. Công tác vận hành trụ sở, quản trị văn phòng

Vận hành có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành công tác thu hồi công nợ tồn đọng tiền cho thuê sàn. Nâng cao công tác quản trị nội bộ, lưu trữ văn bản gốc và các công tác quản trị văn phòng khác.

9. Công tác ISO

Tổng công ty tiếp tục duy trì và thực hiện nghiêm túc công tác ISO, đảm bảo 100% các dự án thực hiện đều áp dụng theo quy trình ISO. Các sản phẩm đầu ra của dự án luôn được kiểm tra và đối chiếu với các yêu cầu của ISO trước khi phát hành. Đồng thời nghiêm túc áp dụng quy trình ISO vào các văn bản khác. Theo dõi sát sao công tác đánh giá nội bộ, đảm bảo xuyên suốt công tác thực hiện ISO mang lại tính chuyên nghiệp cho Tổng công ty.

10. Các giải pháp chủ yếu khác

Tăng cường công tác tìm kiếm công việc, phát triển thị trường, tạo mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác. Tăng cường ký kết được các hợp đồng dự án quy mô lớn với các chủ đầu tư tư nhân, đảm bảo chất lượng, tiến độ đã cam kết. Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh lý, thu hồi công nợ bao gồm công nợ khó đòi.

Tiếp tục tăng cường chất lượng kiểm, yêu cầu các đơn vị duy trì và phát huy năng lực cán bộ chuyên trách. Tăng cường, phổ biến áp dụng các hồ sơ mẫu trong công tác triển khai dự án, áp dụng khoa học công nghệ, đào tạo, nâng cao năng lực triển khai cho toàn bộ cán bộ các đơn vị sản xuất nhằm tăng năng suất lao động.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác năm 2025, một số nhiệm vụ trọng tâm cho năm 2026, Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên toàn Tổng công ty mong muốn nhận được sự ủng hộ tuyệt đối của Quý cổ đông để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Toàn

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP
NHIỆM KỲ 2026-2031**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020, Luật số 76/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;

Quy chế bầu Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP được thực hiện như sau:

I. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2026-2031:

1. Số lượng Thành viên HĐQT và nhiệm kỳ của HĐQT:

- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 5 thành viên.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP là 05 (năm) năm.

- Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Đề cử Thành viên HĐQT:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT:

- Đơn đề cử (ứng cử) Thành viên Hội đồng quản trị (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND hoặc hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

5. Danh sách ứng cử viên thông qua đại hội để bầu Thành viên HĐQT:

Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Tổ chức đại hội đồng cổ đông Tổng công ty tổng hợp lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ các quy định trên để đại hội thông qua danh sách bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị.

II. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031:

1. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát:

- Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 gồm có 3 thành viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.
- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam CTCP là 05 (năm) năm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;

- Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty;

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

3. Đề cử Thành viên Ban Kiểm soát:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban Kiểm soát. Các cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (06) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (07) ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên BKS:

- Đơn đề cử (ứng cử) Thành viên Ban Kiểm soát (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND hoặc hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

5. Danh sách ứng cử viên thông qua đại hội để bầu Thành viên BKS:

Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Tổ chức đại hội đồng cổ đông Tổng công ty tổng hợp lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ các quy định trên để đại hội thông qua danh sách bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát.

III. BẦU THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ 2026-2031:

1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty có quyền biểu quyết tham gia đại hội thực hiện bầu cử Thành viên HĐQT và BKS.

2. Phiếu bầu:

2.1. Phiếu bầu:

- Phiếu bầu ghi sẵn các thông tin của cổ đông: Họ tên cổ đông hoặc đại diện cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và đại diện, tổng số phiếu bầu.
- Phiếu bầu ghi sẵn danh sách họ và tên các ứng cử viên đề cử, ứng cử đã thông qua Đại hội đồng cổ đông, được sắp xếp theo tên theo thứ tự A, B, C và cột số phiếu bầu.

2.2. Phiếu bầu hợp lệ và phiếu bầu không hợp lệ:

a. Phiếu bầu hợp lệ:

- Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên được bầu (đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua).
- Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng (\leq) tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).
- Không thuộc trường hợp quy định tại khoản b mục này.

b. Phiếu không hợp lệ:

Phiếu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu treo của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP, hoặc

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi tên ứng cử viên không có trong danh sách đề cử, ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bỏ phiếu, hoặc

- Bầu vượt quá số phiếu bầu được phép của mình hoặc bầu quá số lượng thành viên được bầu.

3. Nguyên tắc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

3.1 Thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng viên hoặc phân chia phiếu bầu cho một số ứng cử viên:

- a. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông Nhiệm kỳ 2026-2031 là 05 thành viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông/đại diện cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân (x) với 5 (năm).

- b. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông Nhiệm kỳ 2026-2031 là 03 thành viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân (x) với 3 (ba).

3.2 Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông hoặc đại diện cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông hoặc đại diện cổ đông đó (bằng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu).

Ví dụ:

Cổ đông A sở hữu 1000 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có $1000 \times 5 = 5000$ phiếu để bầu các thành viên Hội đồng quản trị và $1000 \times 3 = 3000$ phiếu để bầu các thành viên Ban Kiểm soát.

- Theo phương thức bầu dồn phiếu, cổ đông A có thể bầu theo một trong các trường hợp như sau với điều kiện bầu không vượt quá 5000 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và 3000 phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát:

- + Bầu dồn đều số phiếu bầu cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (mỗi ứng cử viên 1000 phiếu); hoặc

- + Bầu dồn số phiếu khác nhau cho mỗi ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát (Ví dụ: Ứng cử viên X: 2000 phiếu bầu, ứng cử viên Y: 500 phiếu bầu, ứng cử viên Z: 0 phiếu bầu)

3.3 Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên.

a. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

b. Nếu bầu cử không đủ số lượng Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp lần hai trong số ứng cử viên còn lại. Nếu sau khi bầu lần hai vẫn chưa đủ thì Đại hội đồng cổ đông sẽ biểu quyết bầu lại lần ba hoặc để khuyết Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo theo quy định của Chủ tọa Đại hội.

4. Tổ chức bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi việc phát phiếu được hoàn tất và cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu và có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu.
- Các phiếu bầu sau khi kiểm được lưu trữ tại trụ sở Tổng công ty.

IV. CÔNG BỐ KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU VÀ TRÚNG CỬ:

- Trưởng ban Kiểm phiếu công bố công khai trước đại hội kết quả kiểm phiếu và kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2026-2031.
- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi trong Biên bản đại hội.
- Kết quả kiểm phiếu được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

V. HIỆU LỰC:

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua danh sách ứng viên để bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
2. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty năm 2016 thông qua;
3. Căn cứ Công văn số ngày của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP;
4. Căn cứ Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP nhiệm kỳ 2026-2031;
5. Căn cứ tiêu chuẩn và điều kiện của các ứng viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP nhiệm kỳ 2026-2031;

Ban Tổ chức đại hội/Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách ứng viên để bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Danh sách đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ hiện tại
1				
2				
3				

4				
5				

2. Danh sách ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ hiện tại
1				
3				
2				

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ths.KTS Thân Hồng Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2026-2031

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/ĐKKD số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:Cổ phần (Bằng chữ:.....
.....)

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thoả mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Tổng công ty, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026-2031.

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao chứng minh thư nhân dân.
- Bản sao giấy chứng nhận trình độ chuyên môn.
- Giấy đề cử (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP, luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2026-2031**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/ĐKKD số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:Cổ phần (Bằng chữ:.....
.....)

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thoả mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Tổng công ty, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026-2031.

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao chứng minh thư nhân dân.
- Bản sao giấy chứng nhận trình độ chuyên môn.
- Giấy đề cử (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát, tôi xin đem năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP, luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Tôi/chúng tôi là cổ đông (những cổ đông) của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP nắm giữcổ phần (bằng chữ:), chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Số CMND	Mã số CĐ	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký tên

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026-2031 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2026, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử:

Ông (bà) có tên trong danh sách sau tham gia ứng cử bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031:

TT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Số lượng CP sở hữu

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông (bà)

Số CMND: Nơi cấp Ngày cấp:

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy chế bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Tôi/chúng tôi là cổ đông (những cổ đông) của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP nắm giữcổ phần (bằng chữ:), chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Số CMND	Mã số CD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký tên

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2026-2031 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2026, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử:

Ông (bà) có tên trong danh sách sau tham gia ứng cử bầu Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031:

TT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Số lượng CP sở hữu

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông (bà)

Số CMND: Nơi cấp Ngày cấp:

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy chế bầu Ủy viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

[illegible]

--	--	--

13. Hành vi vi phạm pháp luật:

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- Sở hữu đại diện: cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):

Họ tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ

16. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty:

18. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

...., ngày.....tháng.....năm 2026
Xác nhận của chính quyền
địa phương/nơi công tác

...., ngày....tháng.....năm 2026
Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Số: /TTr-VNCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo cáo tài chính riêng
và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán
của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/10/2021;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng công ty đã được công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời được đăng tải trên Website Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP theo địa chỉ: <http://vncc.vn/danh-muc-co-dong/bao-cao-tai-chinh>. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

1. Tài sản - Nguồn vốn:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng	Báo cáo tài chính hợp nhất
I	TÀI SẢN	669.334.912.550	1.367.991.878.739
1	Tài sản ngắn hạn	427.369.170.287	1.120.600.932.017
2	Tài sản dài hạn	241.965.742.263	247.390.946.722

II	NGUỒN VỐN	669.334.912.550	1.367.991.878.739
1	Nợ phải trả	267.009.606.066	873.585.146.943
2	Vốn chủ sở hữu	402.325.306.484	494.406.731.796

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng	Báo cáo tài chính hợp nhất
1	Tổng doanh thu	432.093.574.512	1.121.934.781.204
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.457.414.998	70.510.252.062
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	37.712.944.740	57.488.390.708

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BGĐ, KTT;
- Người PT QTCT;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thân Hồng Linh

Số: /TTr-VNCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025,
dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026
của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/10/2021;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025 của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Tiêu chí	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế được phân phối		37.712.944.740
1	Cổ tức bằng tiền mặt (8%/năm)	= (I) x 75,89%	28.619.558.400
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng của Người quản lý (*)	= (I) x 24,11%	9.093.386.340

(*) Trong đó: Quỹ thưởng của Người quản lý tối đa 1,5 tháng lương được quyết toán theo quy định.

2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền mặt: tối thiểu 8%/vốn điều lệ.
- Các quỹ khác thực hiện trích lập theo quy định.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đồng thời lựa chọn thời điểm chi trả.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BGĐ, KTT;
- Người PT QTCT;
- Lưu VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thân Hồng Linh

Số: /TTr-VNCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025, tổng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty năm 2021 thông qua;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tổng mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

I. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm soát:

1. Tổng mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị (bao

gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách) và Ban Kiểm soát chuyên trách của Tổng công ty là: 2.525.760.000 đồng.

2. Tổng mức thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị và thành viên kiêm nhiệm Ban kiểm soát là: 216.000.000 đồng.

II. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

1. Tổng mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị chuyên trách (gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách) và Ban Kiểm soát chuyên trách là: 2.688.000.000 đồng.

2. Tổng mức thù lao kế hoạch năm 2026 của thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị và thành viên kiêm nhiệm Ban Kiểm soát là 386.400.000 đồng.

Mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát căn cứ chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch năm 2026 theo quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ và theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; TCPTNNL.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thân Hồng Linh

Số: /TTr-VNCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/10/2021;

Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 dựa trên những tiêu thức lựa chọn như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP.

- Đáp ứng được yêu cầu của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP về phạm vi và tiến độ kiểm toán, không xung đột về quyền lợi khi thực hiện BCTC cho Tổng công ty.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

3. Đề xuất:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP xem xét, thông qua:

- Các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán nêu tại Mục 1 Tờ trình và danh sách 03 đơn vị kiểm toán tại Mục 2 Tờ trình.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP quyết định lựa chọn công ty kiểm toán đã đề xuất tại Tờ trình này và giao Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC trong năm tài chính 2026 cho Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026 xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BGĐ, KTT;
- Người PT QTCT;
- Lưu VT, TCKT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM – CTCP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC.....	8
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	9
Điều 4. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức.....	10
Điều 5. Tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty	10
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	10
Điều 6. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty.....	10
Điều 7. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	13
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	13
Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần.....	13
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu.....	14
Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông	15
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác	15
Điều 12. Chào bán cổ phần	16
Điều 13. Chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng cổ phần	16
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	17
Điều 15. Mua lại cổ phần theo Quyết định của Tổng Công ty	17
Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	18
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	19
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	19
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	19
Điều 18. Quyền của cổ đông.....	19
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	21
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Thay đổi các quyền	26
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 27. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	31

Điều 28. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	31
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	35
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.	37
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 37. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	40
Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	41
Điều 39. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	41
Điều 40. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	44
Điều 41. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	45
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	45
Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý	45
Điều 43. Người điều hành Tổng công ty.....	46
Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc.....	46
Điều 45. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.....	47
IX. BAN KIỂM SOÁT	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
Điều 46. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	48
Điều 47. Thành phần, tiêu chuẩn Kiểm soát viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	48
Điều 48. Trưởng Ban Kiểm soát.....	49
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	49
Điều 50. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	50
Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	51
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	51
Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	51
Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	52
XI. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY	53
Điều 54. Quan hệ giữa Tổng công ty với chi nhánh, văn phòng đại diện	53
Điều 55. Mối quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con của Tổng công ty.....	53
Điều 56. Mối quan hệ giữa Tổng công ty với công ty liên kết	54
Điều 57. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty.....	55

XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	55
Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	55
Điều 59. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	55
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	56
Điều 60. Phân phối lợi nhuận.....	56
Điều 61. Chi trả cổ tức	56
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ..	58
Điều 62. Tài khoản ngân hàng	58
Điều 63. Năm tài chính	58
Điều 64. Chế độ kế toán.....	58
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ.....	59
Điều 65. Báo cáo tài chính năm, bán niên	59
Điều 66. Báo cáo thường niên.....	60
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	60
Điều 67. Kiểm toán	60
XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY	60
Điều 68. Dấu của Tổng công ty	60
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	61
Điều 69. Giải thể Tổng công ty.....	61
Điều 70. Thanh lý	61
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	62
Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ	62
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	62
Điều 72. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	62
XXI. HIỆU LỰC	62
Điều 73. Ngày hiệu lực	62

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng..... năm 2026, căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. *Tổng công ty* là Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP.;
 - b. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
 - c. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - d. *Cổ phần* là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
 - e. *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại **Điều 8** Điều lệ này;
 - g. *Cổ phần đã bán* là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Tổng công ty. Khi đăng ký thành lập Tổng công ty, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.
 - h. *Cổ phần được quyền chào bán* là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của Tổng công ty là tổng số cổ phần các loại mà Tổng công ty sẽ chào bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.
 - i. *Cổ phần chưa bán* là cổ phần được quyền chào bán của Tổng công ty và chưa được thanh toán cho Tổng công ty. Cổ phần chưa bán là tổng số cổ phần các loại mà chưa được đăng ký mua.
 - j. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;
 - k. *Công ty mẹ* là Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của một doanh nghiệp khác;
 - (ii). Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một doanh nghiệp khác;
 - (iii). Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

l. *Công ty con* là một trong các doanh nghiệp mà Tổng Công ty (i) Sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông, (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

m. *Công ty liên kết* là doanh nghiệp Tổng công ty nắm giữ cổ phần hoặc phần vốn góp từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số vốn điều lệ, tổng số cổ phần của doanh nghiệp trở xuống.

n. *Doanh nghiệp khác* là doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty.

o. *Đơn vị thành viên* là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty như chi nhánh, văn phòng đại diện...

p. *Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác*: là người được Tổng công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, được gọi tắt là Người đại diện.

q. *Người quản lý Tổng công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

r. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau:

(i). Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

(ii). Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

(iii). Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

(iv). Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

(v). Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

(vi). Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

(vii). Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

s. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại **Điều 2** Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua;

t. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.

u. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

v. *Việt Nam* là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

w. *"Cổ phiếu"* là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty;

x. *"Quyền đề cử"* (bao gồm tự đề cử chính mình) là quyền giới thiệu người vào danh sách đề cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty để Đại hội đồng cổ đông bầu cử;

y. *"Biểu quyết"* là hình thức thực hiện quyền của cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc không tán thành khi thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có giá trị bằng một phiếu biểu quyết;

z. *Giấy tờ pháp lý của cá nhân* là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

aa. *Giấy tờ pháp lý của tổ chức* là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

bb. *Ngày thành lập* là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

cc. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;

dd. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

ee. *Chủ sở hữu hưởng lợi của Tổng công ty (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi)*: là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với Tổng công ty, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

ff. *Giá thị trường của cổ phần của Tổng công ty được xác định như sau*: là giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định.

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

5. Các tiêu đề (Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên doanh nghiệp:

Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

Tên tiếng Anh: **VIETNAM NATIONAL CONSTRUCTION
CONSULTANTS CORPORATION- JSC**

Tên viết tắt : **VNCC**

Nhãn hiệu (logo) của Tổng công ty:



2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: Số 183 phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: (84-24) 37667463.

- Fax: (84-24) 37667464.

- Website: www.vncc.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 69 Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Tổng giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trở lại làm việc tại Tổng công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

6. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;

b. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về việc doanh nghiệp mà mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 6 Điều này.

Điều 4. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức: Tổ chức là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 5. Tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Tổng công ty, kết nạp những người lao động tại Tổng công ty vào các tổ chức này.

3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác làm việc tại Tổng công ty thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo điều lệ và nội quy của các tổ chức này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, đồng thời duy trì phát triển lĩnh vực tư vấn xây dựng Việt Nam, tham mưu đề xuất giúp cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, kiến trúc, đóng góp các giá trị sáng tạo cho xã hội.

b. Phát triển Tổng công ty có trình độ công nghệ, quản lý và chuyên môn hoá cao; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ.

c. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

d. Nâng cao đời sống người lao động, phát huy truyền thống văn hóa doanh nghiệp.

e. Duy trì sự hợp tác và phát triển bền vững của Công ty mẹ - Công ty con.

2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.

a. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

Chi tiết:

Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC và tham gia thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công

nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng và cầu cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau:

- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển tòa nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình công cộng (công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; công trình y tế; công trình tôn giáo, tín ngưỡng;...)
- Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình đường sắt (Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt trên cao, đường tàu điện ngầm/Metro); đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dụng và đường sắt địa phương; Ga hành khách, ga hàng hóa; ga depot; các kết cấu rào chắn, biển báo phục vụ giao thông;...)
- Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình hàng không (khu bay, bao gồm cả công trình đảm bảo bay; nhà ga hành khách; khu kỹ thuật bay; kho hàng hóa; sân bay; đường băng, bãi đỗ,...)
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, nhà máy cấp nước, cảng và cầu cảng, cảng biển;
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình dầu khí;
- Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình;
- Tư vấn thiết kế phòng chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn;
- Tư vấn thiết kế và thẩm tra các công trình văn hóa, thể thao;
- Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;
- Lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng;

- Lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;
 - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;
 - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;
 - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;
 - Tư vấn thẩm định thiết kế và dự toán sau giai đoạn Thiết kế cơ sở;
 - Tư vấn giám sát hệ thống phòng cháy và chữa cháy.
- b. Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác:
- Chi tiết:*
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
 - Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001;
 - Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng.
- c. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật:
- Chi tiết:*
- Hoạt động kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc, móng công trình và vật liệu xây dựng;
 - Hoạt động khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
 - Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
 - Đánh giá tác động môi trường.
- d. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:
- Chi tiết:* Xử lý nền móng các loại công trình; Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình.
- e. Khai thác, xử lý và cung cấp nước:
- Chi tiết:* Khai thác nước ngầm.
- f. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:
- Chi tiết:* Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và vệ sinh môi trường.
- g. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
- Chi tiết:* Thi công xây lắp các công trình.
- h. Đào tạo trung cấp:
- Chi tiết:* Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.

- i. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí:

Chi tiết: Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước.

- j. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ:

Chi tiết: Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng.

- k. Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

1. Tổng công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần

3. Vốn điều lệ:

- a. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Tổng công ty là: **357.744.480.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);

- b. Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 35.774.448 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần);

4. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì Khoản 1 Điều này mặc nhiên được sửa đổi theo nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đó.

5. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại **Điều 18** và **Điều 19** của Điều lệ này.

6. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những

cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty
- f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo điều khoản phát hành quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ

đồng đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- f. Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của Tổng công ty (nếu có) bao gồm: họ, tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, dân tộc, giới tính, địa chỉ liên lạc, tỷ lệ sở hữu hoặc quyền chi phối, thông tin về giấy tờ pháp lý của cá nhân của chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Tổng công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Tổng công ty có nghĩa vụ thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Tổng công ty khi được yêu cầu.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 12. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau:

- a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b. Chào bán ra công chúng;
- c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Tổng công ty và được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Tổng công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

4. Chào bán cổ phần ra công chúng và chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời gian 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phần.

6. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 13. Chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng cổ phần

1. Cổ phần phổ thông của Tổng công ty được tự do chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên

chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty.

3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

7. Tổng công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do Hội đồng quản trị Tổng công ty quy định trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba (3) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo Quyết định của Tổng Công ty

Tổng công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định hoặc Tổng công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty;

4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, giấy tờ pháp lý của tổ chức khi cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại **Điều 14** và **Điều 15** của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại **Điều 14** và **Điều 15** của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Tổng công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Tổng công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại **Điều 14** tại Điều lệ này.

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các

loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và trong trường hợp sau đây:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ.

c. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp khi Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

d. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời

điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty;

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thông báo kịp thời về những thay đổi địa chỉ, chứng thực cá nhân.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

6. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Tổng công ty để thực hiện nghĩa vụ thu thập, cập nhật và báo cáo thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán..

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 **Điều 18** của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên

quan hoặc văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

(i) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;

(iii) Không trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iv) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty;

(v) Vi phạm các quy định tại **Điều 52** Điều lệ này.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3); Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 **Điều 18** của Điều lệ này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

d. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

j. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật;

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên của Hội đồng quản trị.

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp như sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty)

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu

nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại **Điều 25** và **Điều 26** Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 **Điều 20** Điều lệ này. Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 **Điều 18** của Điều lệ này triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 **Điều 20** Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên

trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 **Điều 18** Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần của cổ đông và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định về thời gian và nội dung tại Khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 **Điều 18** Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo trình tự sau:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

d. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- b. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- a. Định hướng phát triển Tổng công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

Điều 28. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 5 Điều này:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 **Điều 27** Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua, quyết định
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Tổng công ty.

5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 **Điều 18** Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 **Điều 24** Điều lệ này;

b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty;

c. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc,

kế toán trưởng, trưởng các ban và tiểu ban thuộc HĐQT, Người quản trị công ty, Thư ký công ty; thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng các phòng chức năng (hoặc phụ trách phòng) của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, các phòng ban, đơn vị và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

r. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

4. Giúp việc cho Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Tổng công ty để phục vụ công việc, ngoài ra Hội đồng quản trị có thể thành lập các bộ phận giúp việc với cơ cấu và biên chế do Hội đồng quản trị ấn định.

5. Thư ký Tổng công ty:

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

5. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

6. Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

7. Quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể:

a. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 37. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

5. Các khoản chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị (bao gồm tiền thù lao và các khoản chi phí khác) được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và thực hiện theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm. Chi phí thực tế được quyết toán vào Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty,

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số **thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.**

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 39. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Có đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

b. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

c. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

d. Đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị;

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là Quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 **Điều 52** của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

14. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 40. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm

thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 41. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó

Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 43. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. **Mức tiền lương, thù lao, lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được quy định trong các quy chế về lao động, tiền lương của Tổng công ty.**

Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng với một người khác làm Tổng giám đốc, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không giới hạn. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào quyết định bổ nhiệm hoặc các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của Tổng công ty;

c. Không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty mẹ.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
- d. Quyết định tiền lương, thù lao và lợi ích khác đối với cán bộ, nhân viên, người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; **đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của công ty về lao động, tiền lương.**
- e. Tuyển dụng lao động;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Quý 4 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo phù hợp kế hoạch tài chính năm (05) năm của Tổng công ty;
- h. Đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng phòng (hoặc Phụ trách phòng) các phòng chức năng của Tổng công ty sau khi được Hội đồng quản trị thông qua, các Phó phòng ban chức năng, Giám đốc, Phó Giám đốc đơn vị, Chi nhánh, văn phòng đại diện, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm). Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh trên.
- j. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- k. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Tổng công ty;
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế;

Điều 45. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Giúp việc Tổng giám đốc có Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.
2. Các phòng, ban, văn phòng đại diện, đơn vị và các chức danh khác được thành lập, bổ nhiệm để giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định để thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc được quy định cho từng phòng, ban, đơn vị từng thời điểm phù hợp.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban Kiểm soát và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

b. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Thành phần, tiêu chuẩn Kiểm soát viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, để thay mặt cho cổ đông kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực tình hình tài chính và mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh, quản trị, điều hành của Tổng công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó, hơn một nửa số Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, bảo đảm phù hợp yêu cầu quản trị, chiến lược phát triển và đặc thù hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

4. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty; người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.

- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - c. Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.
 - d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 3 năm liền trước đó.
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
5. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
6. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 48. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;
 - b. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
 - d. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - e. Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp.
2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
3. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
4. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
11. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 50. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử

dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại về trách nhiệm của người quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này sẽ chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng công ty và bên thứ ba.

2. Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Quan hệ giữa Tổng công ty với chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty và hạch toán tập trung tại Tổng công ty; hoạt động không có vốn và tài sản riêng.

2. Tổng công ty có thể thành lập các Công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

3. Chi nhánh Tổng công ty được ký kết các Hợp đồng tư vấn, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức nhân sự theo phân cấp của Tổng công ty theo các quy chế, quy định riêng biệt của Tổng công ty.

Điều 55. Mối quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con của Tổng công ty

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Tổng công ty đầu tư tại công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Tổng công ty đã góp vào công ty con.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định khung tiền lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện. Kiểm tra, giám sát công ty con theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Khoản 4 Điều này báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty, kết quả kinh doanh của công ty con.

4. Sau khi Người đại diện báo cáo và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị để quyết định các nội dung sau của công ty con:

a. Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b. Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d. Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp. Khung tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của các chức danh nêu trên;

e. Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;

f. Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

g. Chủ trương đầu tư, mua/bán tài sản, hợp đồng vay/cho vay theo Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

h. Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

i. Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

5. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo quy định của pháp luật và Tổng công ty về việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Các vấn đề khác theo Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 56. Mỗi quan hệ giữa Tổng công ty với công ty liên kết

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Tổng công ty đầu tư tại công ty liên kết; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Tổng công ty đã góp vào công ty liên kết.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại công ty liên kết; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 57. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty

Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Tổng công ty theo Hợp đồng hoặc theo Thỏa thuận liên kết giữa công ty đó với Tổng công ty.

XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 59. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để

yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

- a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp
- b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
3. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác
4. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
7. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Phân phối lợi nhuận

1. Hàng năm, Tổng công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ, việc lập và tỷ lệ trích các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và Kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo;
 - b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Chi trả cổ tức

1. Mức chi trả cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền, bằng cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này.
5. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Tổng công ty (nếu có) và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại **Điều 12** Điều lệ này. Tổng Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
7. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
8. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên Tổng công ty và địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

9. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

10. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu. Các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 62. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 63. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 64. Chế độ kế toán

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ

Điều 65. Báo cáo tài chính năm, bán niên

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Tổng công ty là công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Tổng công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:

a. Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Tổng công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;

b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của nhóm Tổng công ty;

c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm Tổng công ty.

d. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại Khoản 5 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.

5. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty mẹ, của các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm Tổng công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Đối với các Công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

8. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của Tổng công ty phải được công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

9. Các tổ chức, cá nhân được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 66. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 67. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 68. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu của Tổng công ty bao gồm dấu làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Tổng công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 69. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 70. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một (01) chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 72. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty; những điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến thi hành trái pháp luật trong Điều lệ này sẽ không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi.

XXI. HIỆU LỰC

Điều 73. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua hợp lệ và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.
5. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam./.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Số: /TTr-VNCC

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty VNCC (lần 3)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
2. Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
3. Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025);
4. Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;
5. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100105278, thay đổi lần thứ 6 ngày 05/09/2025;
7. Điều lệ hiện hành của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/10/2021.
8. Căn cứ tình hình thực tiễn quản trị của Tổng công ty.

II. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ hiện hành với các nội dung đối chiếu chi tiết tại bảng tóm tắt chi tiết đính kèm

III. KIẾN NGHỊ

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét và thông qua dự thảo các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ nêu trên và dự thảo toàn văn Điều lệ mới để gửi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông theo đúng thời hạn quy định.

Gửi kèm tờ trình là dự thảo toàn văn Điều lệ sửa đổi.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, KH&ĐT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Toàn

BẢNG TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM – CTCP
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-VNCC ngày /05/2026)

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU		
	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày 15 tháng 10 Năm 2021	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông... ngày... tháng... năm 2026, căn cứ vào: <ul style="list-style-type: none"> • Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. • Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp. • Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp. 		Bổ sung
	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ		
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ		
	i. <i>Cổ tức</i> là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;	i. <i>Cổ tức</i> là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;	Điểm a khoản 1 điều 1 luật doanh nghiệp. số 76/2025 sửa đổi, bổ sung điều 4 khoản 5 luật doanh nghiệp số 59/2020	Sửa đổi
	t. <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp năm 2020;	t. <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp		Bổ sung
	u. <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán năm 2019;	u. <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán		Bổ sung
	z. <i>Giấy tờ pháp lý của cá nhân</i> là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ	z. <i>Giấy tờ pháp lý của cá nhân</i> là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu, giấy chứng	Điểm c, khoản 1, điều 1 luật 76/2025 sửa đổi	Bổ sung “Thẻ căn

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	chiếu, giấy chứng thực cá nhân hợp pháp khác	thực cá nhân hợp pháp khác	bổ sung khoản 16 điều 4 luật doanh nghiệp 59/2020	cước”, Bổ “Giấy chứng minh nhân dân”
		ee. Chủ sở hữu hưởng lợi của Tổng công ty (<i>sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi</i>): là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với Tổng công ty, trừ trường hợp người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Điểm d khoản 1 điều 1 luật 76/2025 sửa đổi bổ sung luật doanh nghiệp 59/2020	Bổ sung
		ff. Giá thị trường của cổ phần của Tổng công ty được xác định như sau: là giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định.	Điểm b khoản 1 Điều 1 Luật 76 (sửa đổi Khoản 14 Điều 4 Luật DN 59/2020	Bổ sung
	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC		
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty		
	3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty: Địa chỉ: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty: Địa chỉ: 183 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.		Sửa đổi
	Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty	Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty		
	7. Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 6 điều này	7. Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định pháp luật đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 6	Khoản 4 điều 1 luật 76/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 13	Bổ sung

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
		Điều này.	luật doanh nghiệp 59/2020	
	Điều 6. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	Điều 6. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty		
	<p>2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty</p> <p>a. Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC và tham gia thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng và cầu cảng, công trình điện, điện hạt nhân.</p> <p>b. Thi công các công trình dân dụng và công nghiệp khác;</p> <p>c. Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước;</p> <p>d. Xử lý nền móng các loại công trình;</p> <p>e. Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;</p> <p>f. Khai thác nước ngầm;</p> <p>g. Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản</p> <p>h. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.</p> <p>i. Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng;</p> <p>j. Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>k. Tổng công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty</p> <p>a. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC và tham gia thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng và cầu cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau: - Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi; - Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn; - Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị; - Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas; - Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình công cộng (Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; Công trình y tế; Công trình tôn giáo, tín ngưỡng; ...) - Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình đường sắt (Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt trên 	<p>Cập nhật theo đúng nội dung GCN ĐKKD của Tổng công ty, cập nhật lại tên ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</p>	Bổ sung

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
		<p>cao, đường tàu điện ngầm/Metro); đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dụng và đường sắt địa phương; Ga hành khách, ga hàng hóa; ga depot; các kết cấu rào chắn, biển báo phục vụ giao thông; ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình hàng không (khu bay, bao gồm cả công trình đảm bảo bay; nhà ga hành khách; khu kỹ thuật bay; kho hàng hóa; sân bay; đường băng, bãi đỗ, ...) - Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, nhà máy cấp nước, cảng và cầu cảng, cảng biển; - Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình dầu khí; - Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình; - Tư vấn thiết kế phòng chống môi cho các công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông; - Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn; - Tư vấn thiết kế và thẩm tra các công trình văn hóa, thể thao; - Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; - Lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá 		

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
		<p>xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</p> <p>- Tư vấn thẩm định thiết kế và dự toán sau giai đoạn Thiết kế cơ sở;</p> <p>- Tư vấn giám sát hệ thống phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>b. Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;</p> <p>- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001;</p> <p>- Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng.</p> <p>c. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Hoạt động kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc, móng công trình và vật liệu xây dựng;</p> <p>- Hoạt động khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;</p> <p>- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;</p> <p>- Đánh giá tác động môi trường.</p> <p>d. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Xử lý nền móng các loại công trình; Thi công trang trí nội, ngoại thất công trình.</p> <p>e. Khai thác, xử lý và cung cấp nước</p> <p>Chi tiết: Khai thác nước ngầm.</p> <p>f. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh văn phòng cho thuê, kinh doanh</p>		

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
		<p>bất động sản, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và vệ sinh môi trường.</p> <p>g. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình.</p> <p>h. Đào tạo trung cấp</p> <p>Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng.</p> <p>i. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí</p> <p>Chi tiết: Thi công, xây lắp đường ống cấp thoát nước.</p> <p>j. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</p> <p>Chi tiết: Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng.</p> <p>k. Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>l. Tổng công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p>		
	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN		
	Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông	Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông		
	2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:		
		f. Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của Tổng công ty (nếu có) bao gồm: họ, tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, dân tộc, giới tính, địa chỉ liên lạc, tỷ lệ sở hữu hoặc quyền chi phối, thông tin về giấy tờ pháp lý của cá nhân của chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	Điểm c khoản Khoản 11 Điều 1 Luật 76/2025 sửa đổi bổ sung Điều 25 Luật Doanh nghiệp 59/2020	Bổ sung
		5. Tổng công ty có nghĩa vụ thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của	Khoản 2 Điều 1 Luật 76/2025 (bổ sung Khoản 5a Điều 8 Luật	Bổ sung

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
		Tổng công ty khi được yêu cầu.	Doanh nghiệp 59/2020).	
	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
	Điều 18. Quyền của cổ đông	Điều 18. Quyền của cổ đông		
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:		
	b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ	Khoản 18 Điều 1 Luật 76/2025 sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 59/2020	Bổ sung
	Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông		
		8. Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Tổng công ty để thực hiện nghĩa vụ thu thập, cập nhật và báo cáo thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định của pháp luật.		Bổ sung
	Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông		
	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:		

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Khoản 21 Điều 1 Luật 76/2025 sửa khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 59/2020	Sửa đổi
	Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành	Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020;	Sửa đổi khoản 3 và Bổ sung khoản 4
	Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các ban và tiểu ban thuộc HĐQT, Người quản trị công ty, Thư ký công ty; thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng các phòng chức năng (hoặc phụ trách phòng) của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;	Phù hợp với thực tiễn quản trị doanh nghiệp	Sửa đổi
		r. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua	Điểm b khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025 bổ sung khoản 10 điều 278 Nghị định 155/2020	Bổ sung
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật	Không dẫn chiếu cụ thể các điều khoản	Sửa đổi

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.	ng nghị định để trường hợp nghị định có thay đổi không phải sửa DL	
		6. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Tổng công ty do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm	Điều a khoản 81 điều 1 Nghị định 245/2025 bổ sung khoản 8 điều 278 Nghị định 155/2020	Bổ sung
	Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác	Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Khoản 78 điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 275 Nghị định 155/2020	Sửa đổi
	Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị			
	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020	Sửa đổi
	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		
	Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý	Người quản lý đã được	Sửa đổi

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng quyết định của Hội đồng quản trị.	Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng quyết định của Hội đồng quản trị.	quy định cụ thể tại điểm q Điều 1 Điều lệ này	
	Điều 43. Người điều hành Tổng công ty 3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 43. Người điều hành Tổng công ty 3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Mức tiền lương, thù lao, lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được quy định trong các quy chế về lao động, tiền lương của Tổng công ty.	Đưa khoản 3 Điều 45 vào khoản 3 Điều 43 cho phù hợp về bố trí	Sửa đổi
	Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 4. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:	Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 4. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:		
	d. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;	d. Quyết định tiền lương, thù lao và lợi ích khác đối với cán bộ, nhân viên, người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty về lao động, tiền lương.	Phù hợp với thực tiễn quản trị doanh nghiệp	Bổ sung
		i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các Trưởng phòng (hoặc Phụ trách phòng) các phòng chức năng của Tổng công ty sau khi được Hội đồng quản trị thông qua, Phó phòng ban chức năng, Giám đốc, phó giám đốc Chi nhánh/văn phòng đại diện,	Phù hợp với thực tiễn quản trị doanh nghiệp	Bổ sung

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
		các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm). Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh trên.		
	Điều 45. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc	Điều 45. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc		
	<p>1. Giúp việc Tổng giám đốc có Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.</p> <p>a. Các phòng, ban, văn phòng đại diện, đơn vị khác được thành lập, bổ nhiệm để giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc được quy định cho từng đơn vị, từng thời điểm phù hợp. Bao gồm Trưởng, Phó phòng ban trực thuộc Tổng công ty;</p> <p>b. Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh/ văn phòng đại diện và tương đương;</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ, nhân viên, người lao động được quy định trong các quy chế về lao động, tiền lương của Tổng công ty.</p>	<p>1. Giúp việc Tổng giám đốc có Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.</p> <p>2. Các phòng, ban, văn phòng đại diện, đơn vị và các chức danh khác được thành lập, bổ nhiệm để giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định để thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc được quy định cho từng phòng ban, đơn vị, từng thời điểm phù hợp.</p>	Phù hợp với thực tiễn quản trị doanh nghiệp	Sửa đổi
	IX. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT		
	Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát		
	8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.		Sửa đổi
	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ		

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		
	Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		
	6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:			Giải thích “không bị vô hiệu”
	b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	b) Đối với giao dịch từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025 sửa đổi bổ sung khoản 4 điều 293 Nghị định 155/2020	Sửa đổi
	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
	Điều 61. Chi trả cổ tức	Điều 61. Chi trả cổ tức		
	1.Mức chi trả cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định.	1.Mức chi trả cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền, bằng cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1 Điều 1 Luật 76/2025 (đồng bộ thuật ngữ tại Khoản 5 Điều 4).	Sửa đổi
	5. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Tổng công ty	5. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Tổng công ty (nếu có)	Điểm a, khoản 1 Điều 1 Luật 76/2025 sửa đổi bổ sung khoản 5 điều 4 luật doanh nghiệp 59/2020	Sửa đổi

TT	Nội dung của Điều lệ hiện hành	Nội dung Dự thảo Điều lệ mới	Lý do	Ghi chú
	(nếu có) và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.	và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.		
	XXI. HIỆU LỰC	XXI. HIỆU LỰC		
	Điều 73. Ngày hiệu lực	Điều 73. Ngày hiệu lực		
	1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua hợp lệ và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua hợp lệ và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.		Sửa đổi

Số: /TTr-VNCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 03/2022/QH15 và luật 76/2025/QH15;
2. Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
2. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/10/2021;
3. Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC, thông tư số 18/2025/TT-BTC và thông tư 08/2026/TT-BTC

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số Quy chế như sau:

1. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
2. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.
3. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty.
4. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty
- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày 29 tháng 6 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc
4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng Thành viên tại tối đa 5 công ty khác;
4. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
5. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối

đa năm (05) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại khoản 1, điều 5 Quy chế này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các

thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các ban và tiểu ban thuộc HĐQT, Người quản trị công ty, Thư ký công ty; thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng các phòng chức năng (hoặc phụ trách phòng) của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

t) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Tổng công ty và người quản lý khác của công ty do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao

dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính 06 tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 1/2 so với số đầu kỳ;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

d) Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất 07 ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương

tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp

đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng liên quan.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến

của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Các khoản chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị (bao gồm tiền thù lao và các khoản chi phí khác) được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và thực hiện theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm. Chi phí thực tế được quyết toán vào Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm

cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa

các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty bao gồm 7 chương 23 điều và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thân Hồng Linh

TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

**DỰ THẢO
INDEX 3**

Quy chế cũ	Quy chế mới	Lý do	Ghi chú
Có 23 điều	Giữ nguyên 23 điều, sửa 04 điều -Điều 5 mục 4 -Điều 6 mục 3 -Điều 11 mục 2 khoản j,s,t -Điều 13 mục 3 khoản a	Do Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán	Và phù hợp thực tiễn quản trị
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị		
4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	Theo khoản 79 điều 1 Nghị định 245 sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 276	Sửa đổi
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị		
3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng Thành viên tại tối đa 5 công ty khác;	Theo khoản 78 điều 1 Nghị định 245 sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 275	Sửa đổi
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử	j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các ban và tiểu ban thuộc HĐQT, Người quản trị công ty, Thư ký công ty; thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng các phòng chức năng (hoặc phụ trách phòng) của	Sửa theo điều lệ và quy chế quản trị	

người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Tổng công ty ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;		
	s.Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Theo mục b khoản 81 điều 1 ND 245 sửa đổi, bổ sung theo khoản 10 điều 278 Nghị định 155	Bổ sung
	t.Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Tổng công ty do ĐHĐCD bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm	Điểm a khoản 81 điều 1 Nghị định 245/2025 bổ sung khoản 8 điều 278 Nghị định 155/2020	Bổ sung
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường		
a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	Theo mục 1 khoản 21 Luật 76/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 141 Luật doanh nghiệp	Sửa đổi

DỰ THẢO 1

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 06 năm 2026
của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Tư vấn Xây dựng
Việt Nam-CTCP)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và quy định của Pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

**Chương II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên của Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 1,2 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Ban kiểm soát phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Các trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

2. Báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ Tổng công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

a. Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp Luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;

c. Không trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty;

e. Vi phạm các quy định tại Điều 52 Điều lệ Tổng công ty.

7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

Điều 6. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3).

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ Tổng công ty có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Nhiệm vụ của Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

3. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

3. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

4. Dự thảo danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

6. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 8. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 9. Thông báo triệu tập đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

4. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

Điều 10. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.

2. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần của cổ đông và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định về thời gian và nội dung tại khoản 3 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

đ) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp như sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của Bộ luật dân sự và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

d) Điều này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp

Điều 14. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- b) Định hướng phát triển Tổng công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

Điều 15. Bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Trường hợp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

- a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
- b) Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- c) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
- d) Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. đ) Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.
- e) Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

2. Trường hợp bầu cử bằng phiếu bầu:

- a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu.
- b) Việc bỏ phiếu bắt đầu sau khi việc phát phiếu được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- c) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu
- d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu và có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu
- đ) Các phiếu bầu sau khi kiểm được lưu trữ tại trụ sở Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
- e) Trưởng ban Kiểm phiếu công bố công khai trước đại hội kết quả kiểm phiếu bầu và kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty.
- g) Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu được Chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi trong Biên bản đại hội.
- h) Kết quả kiểm phiếu được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4,6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty

Điều 17. Phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm 11.4 khoản 11 Điều này;

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty;

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

2. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài

3. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

4. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

6. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Công bố thông tin cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 20. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

Điều 21. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản (thời hạn gửi ý kiến được tính theo dấu bưu điện gửi hoặc dấu công văn đến tại Tổng công ty - tùy theo cái nào đến trước). Việc lập danh sách cổ đông

gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 7 quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 9 quy chế này (trừ thời hạn lấy ý kiến).

2. Các nội dung chủ yếu của phiếu lấy ý kiến:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua, quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Điều 22. Các hình thức gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty

1. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức được gửi đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

4. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

Điều 23. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến

1. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

4. Biên bản kiểm phiếu và Nghị Quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

5. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến

Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty

Điều 25. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo đề cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc bỏ phiếu tại chỗ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các ban và tiểu ban thuộc HĐQT, Người quản trị công ty, Thư ký công ty; thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng các phòng chức năng

(hoặc phụ trách phòng) của Tổng công ty; **quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó**; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, các phòng ban, đơn vị và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

t) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Tổng công ty do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các luật khác có liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty như sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

e) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

g) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 5 công ty khác ;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 31. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 35. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật

Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm được đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Các khoản chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty

Điều 38. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Các cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

b) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này.

5.Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị;

Điều 39. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp.

2. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.

3. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

4. . Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Điều 40. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 41. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

3. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 42. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 4.7 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty.

5. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

6. Trường hợp Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến được tính theo dấu bưu điện gửi hoặc dấu công văn đến tại Tổng công ty – tùy theo cái nào đến trước.

Điều 43. Ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thủ tục thực hiện việc ủy quyền thực hiện theo quy định về pháp luật dân sự.

Điều 44. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%).

2. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 45. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
- k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g h và i Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 46. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được thông báo hoặc gửi lại cho tất cả thành viên Hội đồng quản trị sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký.

2. Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) và/hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 47. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro...trong trường hợp cần thiết theo tình hình thực tế của Tổng công ty

Điều 48. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Tổng công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường

của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành

doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

26. Ban Kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật doanh nghiệp

Điều 50. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 51. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 52. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;
- d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 53. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban Kiểm soát. Các cổ đông phổ thông có quyền hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.

4. Quyền đề cử ứng viên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên,

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát.

b) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề

cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

d) Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

a) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

c) Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

d) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm Điều 52 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

56. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

3. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 57. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không

vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 58. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
5. Quyết định đơn giá, định mức tiền lương, tổng quỹ lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
6. Tuyển dụng lao động;
7. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
8. Quý 4 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo phù hợp kế hoạch tài chính năm (05) năm của Tổng công ty;
9. Đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các Trưởng phòng chức năng (hoặc Phụ trách phòng) sau khi được Hội đồng quản trị thông qua, Phó phòng ban chức năng, Giám đốc, phó giám đốc đơn vị, Chi nhánh/văn phòng đại diện, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm);
11. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

12. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Điều 59. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào quyết định bổ nhiệm hoặc các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị doanh nghiệp về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của Tổng công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty Mẹ.

d) Các điều kiện khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 60. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng với một người khác làm Tổng Giám đốc, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan.

2. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế;

Điều 62. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải thông báo với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Chương VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

Điều 64. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo họp, mời họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo cho Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát biết về nội dung, chương trình cuộc họp Hội đồng quản trị để Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát được biết và có thể tham dự cuộc họp.

2. Căn cứ nội dung cuộc họp để Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc hoặc Cán bộ quản lý phụ trách mảng việc có liên quan dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).

3. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ vào nội dung cuộc họp của Ban kiểm soát để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Giấy mời họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến bên được mời dự họp không muộn hơn ngày trước ngày dự kiến họp, trừ trường hợp triệu tập họp đột xuất.

4. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và phải được gửi cho các bên dự họp trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp.

Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

1. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến Trưởng ban kiểm soát trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban Kiểm soát bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua gián tiếp bằng email, fax hoặc các hình thức online khác mà Ban Kiểm soát có thể nhận được.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

1. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến Tổng giám đốc trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Tổng giám đốc bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua gián tiếp bằng email, fax hoặc các hình thức online khác mà Tổng giám đốc có thể nhận được.

Điều 67. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc các dự án đầu tư lớn, phê duyệt các dự án lớn của Tổng công ty;

2. Công tác bổ nhiệm Trưởng phòng, Giám đốc đơn vị và tương đương

3. Trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) xảy ra đối với Tổng Công ty;

4. Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Tổng công ty;

5. Tổng công ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật;

6. Tổng công ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng chứng nhận doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động;

7. Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các chức danh tương đương khác của Tổng công ty;

8. Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty;

9. Tổng công ty có các tổn thất, tranh chấp tổn thất lớn về tài sản;

10. Phát hiện Tổng công ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

11. Trường hợp mà Tổng Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát không thể xác định rõ ràng các vấn đề của Tổng Công ty cần được giải quyết thuộc thẩm quyền của mình, thẩm quyền của Hội đồng quản trị hay của Đại hội đồng cổ đông.

12. Trường hợp trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị mà Tổng Giám đốc nhận thấy khó khăn hoặc không thể thực hiện được trên thực tế hoặc trong trường hợp Tổng Giám đốc nhận thấy rằng việc thực hiện các nghị quyết, quyết định này là không có lợi cho Tổng Công ty hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng.

Điều 68. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Trường hợp phát hiện một số nội dung của Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh nội dung Nghị quyết, quyết định cho phù hợp.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 69. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Trường hợp Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị chưa đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc chưa phù hợp với quy định của Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc giải trình, làm cơ sở để Hội đồng quản trị kiểm điểm Tổng giám đốc hoặc có biện pháp giải quyết phù hợp.

Điều 70. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các cuộc họp giao ban của Tổng công ty.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo hoặc cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo nội dung được yêu cầu vào từng thời điểm cụ thể.

3. Các giao dịch mà Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Cách thức báo cáo:

a) Thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

b) Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 71. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động chung.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Tổng Công ty) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba bên để được giải quyết hiệu quả.

3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết về rủi ro này.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bộ phận, tổ chức.

Điều 72. Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý có thành tích trong việc quản trị, điều hành Tổng công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật, Quy chế của Tổng công ty.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Điều 73. Kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý Tổng công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan của Tổng công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường theo quy định.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc quản lý.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP gồm 7 Chương, 74 Điều và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Thân Hồng Linh

TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

**DỰ THẢO
INDEX 3**

Quy chế cũ	Quy chế mới	Lý do	Ghi chú
Có 74 điều	Giữ nguyên 74 điều, sửa 04 điều -Điều 3 mục 3 khoản s -Điều 27 mục 2 khoản i,s,t -Điều 30 mục 1; mục 2 khoản c -Điều 58 mục 10	Do Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán	
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông		
s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	s. Chấp thuận các giao dịch theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán	Không dẫn chiếu cụ thể các điều khoản Nghị định đề trường hợp Nghị định có thay đổi không phải sửa quy chế	Sửa đổi
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao	i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các ban và tiểu ban thuộc HĐQT, Người quản trị công ty, Thư ký công ty; thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng các phòng chức năng (hoặc phụ trách phòng) của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những	Phù hợp với thực tiễn quản trị doanh nghiệp	Sửa đổi

và quyền lợi khác của những người đó;	người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;		
	s. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Tại Điều 1 điểm b khoản 81 NĐ 245/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 10 điều 278 NĐ 155	Bổ sung
	t. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Tổng công ty do ĐHĐCD bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm	Điểm a khoản 81 điều 1 Nghị định 245/2025 bổ sung khoản 8 điều 278 Nghị định 155/2020	
Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị	Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị		
1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Tại điều 1 điểm a Khoản 79 NĐ 245/2025 sửa đổi bổ sung khoản 2 điều 276 NĐ 155	Sửa đổi
Điều 30- điểm 2 khoản c			
c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	c. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 5 công ty khác ;	Tại Khoản 78 điều 1 NĐ 245 sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 275 NĐ 155	Sửa đổi

Điều 58. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	Điều 58. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc		
10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các Trưởng, Phó phòng ban, Giám đốc, phó giám đốc đơn vị, Chi nhánh/văn phòng đại diện, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm);	10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các Trưởng phòng chức năng (hoặc Phụ trách phòng) sau khi được Hội đồng quản trị thông qua , Phó phòng ban chức năng, Giám đốc, phó giám đốc đơn vị, Chi nhánh/văn phòng đại diện, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm);		Bổ sung

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt nam – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2026;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt nam – CTCP.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt nam - CTCP bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c. Không là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Lên kế hoạch và phân công công việc cho các thành viên trong Ban kiểm soát;

b. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d. Ủy quyền cho một kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

e. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến

Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 – Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả..

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

MỤC LỤC

Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Phạm vi và đối tượng áp dụng	1
Điều 2.	Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	1
Chương II	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3.	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 4.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 5.	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	2
Điều 6.	Trưởng ban Kiểm soát	3
Điều 7.	Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 8.	Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 9.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 10.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	5
Chương III	BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11.	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	6
Điều 12.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	8
Điều 13.	Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8
Chương IV	CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14.	Cuộc họp của Ban Kiểm soát	9
Điều 15.	Biên bản họp Ban Kiểm soát	9
Chương V	BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 16.	Trình báo cáo hàng năm	9
Điều 17.	Tiền lương và quyền lợi khác	10
Điều 18.	Công khai các lợi ích liên quan	10
Chương IV	MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 19.	Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	11
Điều 20.	Mối quan hệ với Ban Điều hành	11
Điều 21.	Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11
Chương VII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22.	Hiệu lực thi hành	11

MỘT SỐ ĐIỂM ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ BAN KIỂM SOÁT

Điều khoản	Nội dung quy chế hiện hành (2021)	Đề xuất sửa đổi 2026	Căn cứ để sửa đổi
Phần mở đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 03/2022/QH15; Luật số 76/2025/QH15; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính - Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
Dòng 2 - Khoản 3 – Điều 17	... của Tổng công ty... Của Tổng công ty...	- Sửa lỗi chính tả
Khoản 21 – Điều 11	- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 – Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	- Điều chỉnh cho khớp với Khoản 8 – Điều 170 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Phần Mục Lục	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 1 áp dụng - Điều 9 Các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát - Điều 18 Công khai lợi ích 	<ul style="list-style-type: none"> - áp dụng - Điều 9 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát - Điều 18 Công khai các lợi ích liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa lỗi chính tả - Sửa cho khớp với tiêu đề của Điều 9 trong quy chế. - Sửa cho khớp với tiêu đề của Điều 18 trong quy chế.

Số: /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh của
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/10/2021;

Căn cứ yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để đảm bảo các ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với quy định mới của pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, loại bỏ ngành nghề đăng ký kinh doanh của Tổng công ty như sau:

1. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty với nội dung:

Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành
1	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn đầu tư và xây dựng; Tổng thầu tư vấn; Tổng thầu EPC và tham gia thầu EPC (quy hoạch, thiết kế, cung cấp thiết bị vật tư và xây lắp) công trình dân dụng, công nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, công trình cảng và cầu cảng, công trình điện, điện hạt nhân, chi tiết như sau: - Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi; - Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn; - Lập, thiết kế và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; định mức đơn giá các loại công trình, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị; - Tư vấn thiết kế, thẩm tra đường dây và trạm biến áp đến 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét, hệ thống gas; - Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình công cộng (Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; Công trình y tế; Công trình tôn giáo, tín ngưỡng;...) 	7110	x

	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình đường sắt (Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt trên cao, đường tàu điện ngầm/Metro); đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dụng và đường sắt địa phương; Ga hành khách, ga hàng hóa; ga depot; các kết cấu rào chắn, biển báo phục vụ giao thông;...) - Tư vấn thiết kế và thẩm tra công trình hàng không (khu bay, bao gồm cả công trình đảm bảo bay; nhà ga hành khách; khu kỹ thuật bay; kho hàng hóa; sân bay; đường băng, bãi đỗ,...) - Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình điện hạt nhân; các công trình giao thông, thủy lợi, nhà máy cấp nước, cảng và cầu cảng, cảng biển; - Tư vấn thiết kế, thẩm tra các công trình dầu khí; - Tư vấn thiết kế và thẩm tra thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ, trang trí nội, ngoại thất các loại công trình; - Tư vấn thiết kế phòng chống môi cho các công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông; - Tư vấn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn; - Tư vấn thiết kế và thẩm tra các công trình văn hóa, thể thao; - Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; - Lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; 		
--	---	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Tư vấn thẩm định thiết kế và dự toán sau giai đoạn Thiết kế cơ sở; - Tư vấn giám sát hệ thống phòng cháy và chữa cháy. 		
--	--	--	--

Cập nhật ngành, nghề kinh doanh sau:

Thông tin trước khi thay đổi		Thông tin thay đổi theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc; - Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001; - Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: - Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc; - Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001; - Dịch vụ điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng	7020

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc xóa bỏ, bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu khác với nội dung đề xuất điều chỉnh nêu tại tờ trình này, Tổng Giám đốc được quyền quyết định thực hiện thay đổi cho phù hợp.

3. Ủy quyền cho Tổng giám đốc làm thủ tục thông báo thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng

Việt Nam - CTCP phù hợp với nội dung được thông qua tại Tờ trình này. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BGĐ;
- Người PT QTCT;
- Lưu: VT, KH&ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thân Hồng Linh

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM-CTCP**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM-CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 03/2022/QH15 và luật 76/2025/QH15;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP ngày 15/10/2021;
- Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP đã tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua và Quyết Nghị như sau,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung cơ bản như sau:

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Doanh thu: 432,0 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 37,7 tỷ đồng;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 8,0 %/Vốn điều lệ;

* Các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự kiến kế hoạch năm 2026 như sau:

- Doanh thu: 475,5 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 41,5 tỷ đồng;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: tối thiểu 8,0/vốn điều lệ;
- Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban giám đốc Tổng công ty:

(i) triển khai các giải pháp hiệu quả, linh hoạt các chỉ tiêu kinh doanh để đảm bảo cổ tức tối thiểu đạt 8,0 % cho cổ đông

(ii) Chủ động rà soát, tái cơ cấu, sắp xếp lại, xây dựng mới các phòng ban, đơn vị sản xuất theo hướng đảm bảo hiệu quả kịp thời phục vụ sản xuất.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng hoạt động năm 2026-2031 của Hội đồng quản trị.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng hoạt động năm 2026-2031 của Ban kiểm soát.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và khắc phục ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo tài chính năm 2025, thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025 gồm:

- Lợi nhuận sau thuế: 43.457.414.996 đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền (8,0%/VĐL): 28.619.558.400 đồng (75,89%)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng của Người quản lý(*): 9.093.386.340 đồng (24,11%)

(*) Trong đó: Quỹ thưởng của Người quản lý tối đa 1,5 tháng lương được quyết toán theo quy định.

Điều 5: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

Điều 6: Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Điều 7: Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

Điều 8: Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

Điều 9: Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

Điều 10: Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể như sau:

10.1 Thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Văn A

2.....

3.....

4.....

5.....

10.2 Thành viên Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn A

2.....

3.....

Điều 11: Về tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT VNCC xem xét, quyết định mức tiền lương và thù lao cụ thể cho HĐQT, Ban kiểm soát Công ty, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp lợi nhuận thực hiện năm 2026 cao hơn lợi nhuận kế hoạch thì HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh tăng thêm tiền lương và thù lao theo mức cứ vượt 1% lợi nhuận thì được điều chỉnh tăng thêm 2% tiền lương, nhưng tối đa không vượt quá 20% so với mức tiền lương kế hoạch.

Điều 12: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 13: Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Các ông, bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cổ đông và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 7;
- HNX; SCIC;
- KTT; Các PCN;
- BKTNB; NPTQTCT;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Thân Hồng Linh

Số: /BBH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM-CTCP (VNCC)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 03/2022/QH15 và luật 76/2025/QH15;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP ngày 15/10/2021;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP.

1. Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP

2. Mã số doanh nghiệp: 0100105278, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 07 tháng 10 năm 2016.

3. Địa chỉ trụ sở chính: 183 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, Thành phố Hà Nội.

4. Thời gian và địa điểm tổ chức đại hội:

Thời gian: 8 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Địa điểm: Hội trường tầng 8 Tổng công ty

5. Thành phần tham dự:

5.1 Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Ông Thân Hồng Linh	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Đức Toàn	Thành viên HĐQT – TGD
- Ông Nguyễn Bá Minh	Thành viên HĐQT
- Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên HĐQT
- Ông Tống Văn Toàn	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Phúc	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Phạm Vũ Thành	Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Hoàng Khánh Duy	Thành viên Ban kiểm soát

5.2 Đại diện Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

- Ông.....

5.3 Các cổ đông tham dự:

Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông, ông Bùi Xuân Phước, Trưởng Ban báo cáo công tác kiểm tra tư cách cổ đông và số cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, như sau:

- Tổng số cổ đông: 0000 cổ đông, nắm giữ số cổ phần là: 35.774.448 cổ phần.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 35.774.448 cổ phần.
- Tổng số cổ đông được triệu tập tham dự Đại hội: 000 cổ đông, đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội là 00 cổ đông, đại diện cho 0000 cổ phần, chiếm 00% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP là hợp pháp và đủ điều kiện tiến hành.

6. Ban chủ tọa và ban thư ký

6.1 Ban chủ tọa điều hành Đại hội gồm các ông bà:

- | | |
|----------------------|---------------------------------|
| - Ông Thân Hồng Linh | Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa |
| - Ông Trần Đức Toàn | Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Bá Minh | Thành viên HĐQT |
| - Bà Kiều Bích Hoa | Thành viên HĐQT |
| - Ông Tống Văn Toàn | Thành viên HĐQT |

6.2 Ban Thư ký gồm:

- | | |
|-----------------------|------------|
| - Bà Đinh Thị Thủy | Trưởng Ban |
| - Bà Trần Hải Yến Chi | Thành viên |
| - Ông Bùi Thanh Tùng | Thành viên |

6.3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- | | |
|-------------------------|------------|
| - Ông Bùi Xuân Phước | Trưởng Ban |
| - Ông Nguyễn Công Trung | Thành viên |
| - Bà Ngô Hoài An | Thành viên |
| - Ông Phạm Vũ Thành | Thành viên |

- Ông Trịnh Tuấn Anh Thành viên
- Bà Đào Thu Thủy Thành viên
- Bà Nguyễn Châu Giang Thành viên
- Bà Tô Thùy Linh Thành viên
- Ông Bùi Thanh Tùng Thành viên

6.4 Ban Kiểm phiếu:

Để giúp việc cho Ban Chủ tọa và thực hiện công tác kiểm phiếu của Đại hội, sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến do Ban Chủ tọa giới thiệu, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua thành viên Ban Kiểm phiếu, cụ thể:

- Bà Đào Thị Tuyết Thanh Trưởng ban
- Ông Nguyễn Công Trung Thành viên
- Ông Phạm Vũ Thành Thành viên
- Ông Trịnh Tuấn Anh Thành viên
- Bà Đỗ Thị Thanh Hoa Thành viên
- Bà Nguyễn Ngọc Bích Thành viên
- Bà Đào Thu Thủy Thành viên
- Ông Bùi Thanh Tùng Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Tấn Thành viên

7. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội

Sau khi nghe Ban Tổ chức công bố Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội.

8. Nội dung chính của Đại hội:

8.1. Các báo cáo, tờ trình HĐQT được trình bày tại Đại hội

- Đại hội đã nghe ông Thân Hồng Linh, Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng hoạt động năm 2026-2031 của Hội đồng quản trị;

- Đại hội đã nghe ông Trần Đức Toàn, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trình bày Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

- Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Văn Phúc, Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng hoạt động năm 2026-2031 của Ban kiểm soát

- Đại hội đã nghe Bà Kiều Bích Hoa, Thành viên HĐQT, trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025, dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;

- Đại hội đã nghe ông Tống Văn Toàn, thành viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và tổng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026;

- Đại hội đã nghe ông Nguyễn Bá Minh, thành viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP năm 2026; Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh; Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP nhiệm kỳ 2026 – 2031

8.2 Bầu thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

Đại hội đã nghe bà Đào Thị Tuyết Thanh, Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

- HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031: 05 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031: 03 thành viên, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên BKS

- Đại hội đã tiến hành thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát gồm:

+ Thành viên Hội đồng quản trị:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....

+ Thành viên Ban kiểm soát:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

- Đại hội đã tiến hành bầu cử.

- Tổng hợp kết quả bầu cử: 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thông qua

8.3 Thảo luận, đóng góp ý kiến tại Đại hội và thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình Đại hội

Đại hội đã tiến hành thảo luận về nội dung các Báo cáo, Tờ trình, Đại hội đã thống nhất cao các nội dung trình bày tại Đại hội.

Đại hội đã nghe các cổ đông là ông/bà có ý kiến phát biểu như sau:

Ông.....

-> Chủ tọa Đại hội thay mặt Ban lãnh đạo Tổng công ty tiếp thu ý kiến của cổ đông.

9. Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình Đại hội

Trên cơ sở các Báo cáo, Tờ trình, Đại hội đã tiến hành biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

9.1 Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng hoạt động năm 2026-2031 của Hội đồng quản trị

9.2 Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Doanh thu: 432,0 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 37,7 tỷ đồng;
- Cổ tức bằng tiền mặt: 8,0%/vốn điều lệ;

* Các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 dự kiến như sau:

- Doanh thu: 475,5 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 41,5 tỷ đồng;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: tối thiểu 8,0%/vốn điều lệ;

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Tổng công ty:

(i) Triển khai các giải pháp hiệu quả, linh hoạt các chỉ tiêu kinh doanh để đảm bảo cổ tức tối thiểu đạt 8,0% cho cổ đông

(ii) Chủ động rà soát, tái cơ cấu, sắp xếp lại, xây dựng mới các phòng ban, đơn vị sản xuất theo hướng đảm bảo hiệu quả kịp thời phục vụ sản xuất.

9.3 Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng hoạt động năm 2026-2031 của Ban kiểm soát.

9.4 Thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán; Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2026, trong đó một số chỉ tiêu:

- Tổng tài sản (công ty mẹ): 669.334.912.550 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ): 43.457.414.998 đồng.
- Lợi nhuận được phân phối (công ty mẹ), bao gồm:
 - + Cổ tức bằng tiền mặt (8,0%): 28.619.558.400 đồng (75,89 %)
 - + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng của Người quản lý (*): 9.093.386.340 đồng (24,11%)

(*) Trong đó: Quỹ thưởng của Người quản lý tối đa 1,5 tháng lương được quyết toán theo quy định.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm phân phối lợi nhuận.

9.5 Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP năm 2026

9.6 Thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh của Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

9.7 Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

9.8 Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

9.9 Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát của Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam – CTCP 2026

9.10 Thông qua tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty, cụ thể:

a. Tổng mức tiền lương thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát chuyên trách là: 2.525.760.000 đồng.

b. Tổng mức thù lao thực hiện năm 2025 của thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là: 216.000.000 đồng.

c. Kế hoạch tổng mức tiền lương năm 2026 của Hội đồng quản trị (gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT (chuyên trách) và Ban Kiểm soát chuyên trách là: 2.688.000.000 đồng

d. Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2026 của thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là: 216.000.000 đồng

Trường hợp lợi nhuận thực hiện năm 2026 cao hơn lợi nhuận kế hoạch thì HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh tăng thêm tiền lương và thù lao theo mức cứ vượt 1% lợi nhuận thì được điều chỉnh tăng thêm 2% tiền lương, nhưng tối đa không vượt quá 20% so với mức tiền lương kế hoạch.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT VNCC xem xét, quyết định mức tiền lương và thù lao cụ thể cho HĐQT, Ban kiểm soát Công ty, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật

9.11 Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành thông qua nghị quyết với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Nghị quyết.

Biên bản này được đọc trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Biên bản này được lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, một (01) bản gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, một (01) bản lưu tại Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP./.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

TM. BAN CHỦ TỌA

Đinh Thị Thủy

Thân Hồng Linh